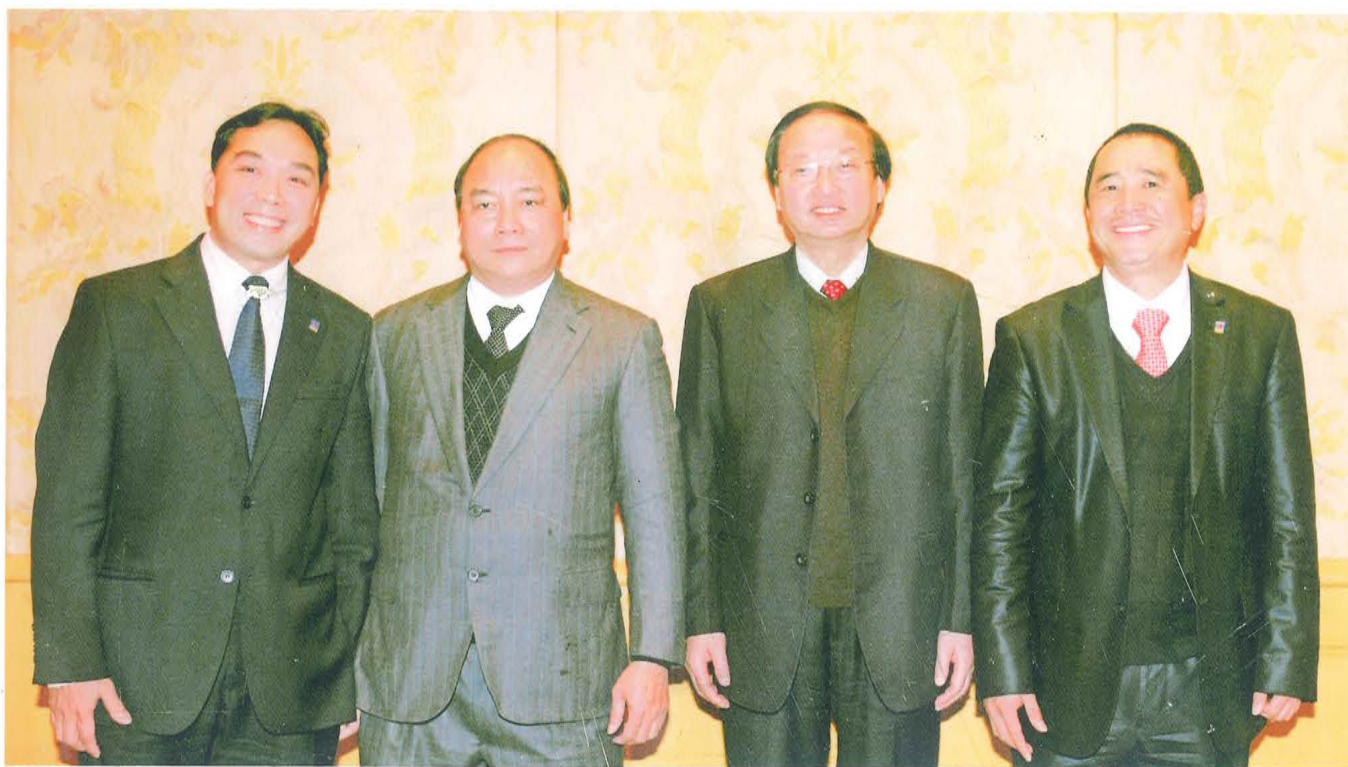




2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

PVI - ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG VÀ ĐƯỢC XẾP HẠNG QUỐC TẾ



TÂM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

Xây dựng PVI trở thành một định chế Tài chính - Bảo hiểm chuyên nghiệp, thương hiệu quốc tế, phát triển dựa trên nền tảng tri thức, công nghệ, quán triệt nguyên tắc: quản trị minh bạch, kinh doanh hiệu quả, phát triển bền vững, kết hợp hài hòa lợi ích của các cổ đông, khách hàng và người lao động.



MỤC LỤC

- 04 THƯ CHÚC MỪNG CỦA CHỦ TỊCH HĐQT PVN
- 06 THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ PVI
- 08 THƯ NGỎ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC PVI

QUẢN TRỊ MINH BẠCH - KINH DOANH HIỆU QUẢ - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 10 20 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- 12 SỰ KIỆN VÀ DANH HIỆU NỔI BẬT 2015
- 14 MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG
- 15 LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
- 16 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 18 BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- 20 BAN KIỂM SOÁT
- 22 HỆ THỐNG QUẢN TRỊ VÀ NGUỒN NHÂN LỰC
- 24 THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

- 26 CÁC CÔNG TY CON
- 31 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
- 33 QUẢN LÝ RỦI RO
- 34 10 THÀNH TỰU NỔI BẬT NĂM 2015
- 36 HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 40 BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ
- 84 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THƯ CHÚC MỪNG



ÔNG NGUYỄN QUỐC KHÁNH

BÍ THƯ ĐẢNG ỦY
CHỦ TỊCH HĐQT
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
VIETNAM OIL AND GAS GROUP

Địa chỉ: 18 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: 84 - 04 - 3 8252526 | Fax: 84 - 04 - 3 8265942
www.pvn.vn

Thân ái gửi toàn thể cán bộ, nhân viên và người lao động PVI.

Nhân kỷ niệm 20 năm ngày thành lập PVI (23/01/1996 - 23/01/2016), thay mặt Thường vụ Đảng ủy, HĐQT và Ban TGD Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, tôi xin gửi lời chúc mừng tốt đẹp nhất và cảm ơn chân thành đến các đồng chí lãnh đạo và toàn thể cán bộ, nhân viên, người lao động PVI các thời kỳ đã góp phần công sức vào sự thành công rực rỡ của PVI ngày hôm nay.

20 năm qua, với bản lĩnh và lao động quên mình, các đồng chí đã đưa PVI từ một công ty bảo hiểm chuyên ngành trở thành một định chế tài chính, bảo hiểm vững mạnh với vị thế là Nhà bảo hiểm phi nhân thọ số 1 Việt Nam, đồng thời khẳng định thành công trong các lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm, quản lý quỹ và đầu tư tài chính. Sự thành công của PVI đã đóng góp một phần quan trọng vào sự thành công chung của ngành Dầu khí Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Trong giai đoạn phát triển mới, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam sẽ phải đối mặt với những khó khăn, thách thức chưa từng có và chắc chắn PVI cũng sẽ bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, tôi tin tưởng rằng, với những nền tảng vững chắc mà các thể hệ PVI đã xây dựng được thì PVI sẽ vững bước vượt qua khó khăn, giữ vững tốc độ phát triển và tiếp tục mang "**Ngon lửa của niềm tin**" tỏa sáng đến mọi miền đất nước và các bạn bè quốc tế.

Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cam kết sẽ tiếp tục tạo mọi điều kiện thuận lợi và ủng hộ hết mình để PVI làm tốt hơn vai trò không thể thiếu được trong mô hình phát triển của Tập đoàn Dầu khí đối với công tác quản lý rủi ro và bảo hiểm cho mọi hoạt động của Tập đoàn.

Chúc các thể hệ của PVI Anh hùng luôn mạnh khỏe và tiếp tục gặt hái thêm những thành công mới!

BÍ THƯ ĐẢNG ỦY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM



NGUYỄN QUỐC KHÁNH

THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Năm nay, PVI vui mừng, phấn khởi kỷ niệm 20 năm ngày ra đời của Công ty Bảo hiểm Dầu khí (23/01/1996 - 23/01/2016). Nhân dịp này, cho phép tôi thay mặt toàn thể Ban lãnh đạo PVI xin gửi lời chúc sức khỏe và lời cảm ơn chân thành nhất vì sự cống hiến hết mình của các thể hệ lãnh đạo, cán bộ, nhân viên PVI, sự ủng hộ, tin tưởng của các quý vị cổ đông và các đối tác để PVI có được ngày hôm nay.

Thư các Quý vị!

20 năm trước, khởi đầu từ một công ty bảo hiểm nội ngành của Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam với số vốn khiêm tốn là 22 tỷ đồng, tổng tài sản là gần 34 tỷ đồng, doanh thu năm đầu chỉ đạt 60 tỷ đồng, chỉ sau 20 năm hoạt động, tổng tài sản của PVI đã tăng gấp 460 lần (đạt 15.495 tỷ đồng năm 2015), vốn chủ sở hữu tăng gấp 306 lần (đạt 6.734 tỷ đồng năm 2015), doanh thu tăng gấp 165 lần (đạt 9.923 tỷ đồng năm 2015). Đây thực sự là những con số hết sức ấn tượng, minh chứng một điều rằng: 20 năm qua Ban lãnh đạo đã có chiến lược phát triển đúng, tập thể cán bộ, nhân viên đã cống hiến hết mình để có một PVI tỏa sáng như ngày hôm nay.

Đến nay, PVI đã thực hiện thành công tái cấu trúc doanh nghiệp, chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Theo đó, Công ty mẹ - Công ty Cổ phần PVI với các cổ đông chiến lược mạnh gồm Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Talanx của Đức, Quỹ đầu tư Chính phủ Oman (OIF). Các công ty con bao gồm Tổng Công ty Bảo hiểm PVI, Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life và Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI.

PVI đã xây dựng được một hệ thống quản trị minh bạch, theo các chuẩn mực quốc tế; xây dựng được một đội ngũ cán bộ lãnh đạo bản lĩnh, đoàn kết, có năng lực và khát vọng. PVI đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ, nhân viên mang đậm dấu ấn PVI chuyên nghiệp, kỷ cương, niềm tin và cống hiến.

Với những thành tựu đạt được trong 20 năm, PVI đã được Đảng, Nhà nước trao tặng nhiều danh hiệu cao quý cũng như được sự ghi nhận, đánh giá của các tổ chức trong và ngoài nước, trong đó nổi bật nhất là:

- Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2010);
- Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (năm 2011);
- Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2013);
- Liên tục 3 năm (2013-2015) là 1 trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh;
- Xếp hạng tín nhiệm B++ (tốt) đối với Tổng công ty Bảo hiểm PVI và xếp hạng tín nhiệm B+ (tốt) đối với Tổng CTCP Tái bảo hiểm PVI của A.M. Best (năm 2015);
- Là 1 trong 50 công ty niêm yết tốt nhất trên sàn chứng khoán Việt Nam được Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn (2014-2015);
- Là 1 trong 50 công ty được Brand Finance bình chọn có thương hiệu tốt nhất Việt Nam năm 2015.

Thành công của 20 năm qua chính là do PVI có một tập thể Ban lãnh đạo với bản lĩnh chính trị vững vàng, dày dặn kinh nghiệm, có năng lực đổi mới sáng tạo, luôn đoàn kết nhất trí, thẳng thắn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. PVI có chiến lược đúng đắn, được quán triệt xuyên suốt từ HĐQT, Ban điều hành tới toàn thể cán bộ, nhân viên. PVI đã dựa trên lợi thế là một thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để phát triển làm chủ thị trường bảo hiểm Việt Nam.

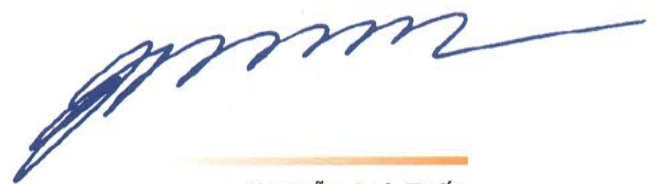
Trong chặng đường 20 năm tiếp theo, toàn thể lãnh đạo, cán bộ, nhân viên PVI quyết tâm xây dựng PVI trở thành một định chế Tài chính - Bảo hiểm có thương hiệu quốc tế với phương châm: Phát triển nhanh, bền vững dựa trên nền tảng tri thức, sức mạnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, kết hợp hài hòa lợi ích của các cổ đông, khách hàng và người lao động; quán triệt nguyên tắc: **quản trị minh bạch, kinh doanh hiệu quả, phát triển bền vững**.

Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới sẽ tạo điều kiện cho PVI phát triển mạnh trong cả hai lĩnh vực Bảo hiểm và Đầu tư. Để vượt qua các thách thức, đón nhận được các thời cơ, bên cạnh các lợi thế đã có, PVI **chỉ có một con đường** là phải tiếp tục tạo ra lợi thế mới để phát triển. Lợi thế mới của PVI vẫn chính là sức mạnh của nguồn nhân lực và sức mạnh của công nghệ thông tin.

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực và chiến lược phát triển công nghệ thông tin sẽ là nền tảng chiến lược của PVI cho giai đoạn phát triển sắp tới. Nguồn nhân lực của PVI sẽ được phát triển theo mô hình quản trị hiện đại, có kỹ năng làm việc tốt, có tinh thần trách nhiệm cao. Hệ thống chính sách đãi ngộ người lao động gắn với hiệu quả công việc, tạo điều kiện cho những người làm việc tốt, có trách nhiệm, tận tâm cống hiến lâu dài cho PVI. Hệ thống công nghệ thông tin được xây dựng trên nền tảng công nghệ hiện đại có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của công tác quản trị và bán hàng cho toàn bộ hệ thống PVI.

Tôi tin tưởng chắc chắn rằng, toàn thể cán bộ, nhân viên PVI sẽ tiếp tục phát huy truyền thống đơn vị Anh hùng Lao động, phát huy tinh thần đoàn kết, kỷ cương, bản lĩnh, sáng tạo để thực hiện thành công chiến lược phát triển PVI giai đoạn 2015 - 2020; Xây dựng PVI trở thành định chế Tài chính - Bảo hiểm số 1 Việt Nam; Xây dựng giấc mơ PVI trở thành hiện thực, đó là một PVI cống hiến, sáng tạo, hạnh phúc, văn minh; Là điểm đến ước mơ của những người yêu lao động, cống hiến và sáng tạo; Là niềm tự hào của các cổ đông, của các thể hệ cán bộ, nhân viên PVI.

Trân trọng!



Nguyễn Anh Tuấn
Chủ tịch HĐQT

THƯ NGỎ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Năm 2015, mặc dù nền kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên các yếu tố nội tại đảm bảo cho sự phát triển ổn định, bền vững còn chưa thực sự phục hồi, tiềm ẩn nhiều biến động, trong đó, đặc biệt là sự biến động của giá dầu thế giới với sự sụt giảm sâu. So với nửa cuối năm 2014, giá dầu sụt 75%, ở mức dưới 30USD/1 thùng (thấp nhất so với cuộc khủng hoảng năm 2009), cùng với việc lãi suất huy động duy trì ở mức thấp 5 - 6%/năm đã có những ảnh hưởng lớn đến lĩnh vực bảo hiểm và việc đẩy mạnh hoạt động đầu tư tài chính của PVI.

Đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, PVI tiếp tục khẳng định được bản lĩnh, sức mạnh hệ thống và sự nhất quán trong việc thực hiện đúng định hướng chiến lược phát triển, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ và đạt vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 do ĐHCĐ giao: tổng doanh thu hợp nhất đạt **9.923** tỷ đồng, hoàn thành **118%** kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt **708** tỷ đồng, hoàn thành **162%** kế hoạch.

PVI tiếp tục ghi dấu ấn trên tất cả các lĩnh vực:

Trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ: Bảo hiểm PVI tiếp tục khẳng định là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ số 1 thị trường Việt Nam (chiếm 22% thị phần); song song với việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho hầu hết các tập đoàn, tổng công ty; tiếp tục mở rộng thành công thị trường bán lẻ (tăng trưởng gần 40%). Tổng doanh thu với 7.823 tỷ đồng, trong đó doanh thu bảo hiểm gốc tăng trưởng gần 15%, cao hơn mức tăng trưởng chung của thị trường.

Trên lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ: PVI Sun Life tiếp tục giữ vị trí số 1 thị trường về sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện và đứng thứ 6 trong tổng số 17 doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có doanh thu phí khai thác mới với tổng doanh thu đạt 973 tỷ đồng.

Trên lĩnh vực tái bảo hiểm: Tái bảo hiểm PVI tiếp tục là doanh nghiệp có doanh thu lớn nhất thị trường, thực hiện tốt nhiệm vụ thu xếp tái bảo hiểm với việc đánh giá tốt các rủi ro, với tổng doanh thu đạt 1.955 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 154 tỷ đồng, đạt mức chia cổ tức cho cổ đông là 14%.

Trên lĩnh vực quản lý vốn - quản lý tài sản: Mặc dù mới đi vào hoạt động được 9 tháng, nhưng Công ty Quản lý quỹ PVI đã nhanh chóng ổn định mô hình hoạt động, góp phần đẩy mạnh doanh thu hoạt động đầu tư tài chính của toàn hệ thống.

Bước sang năm 2016, với bối cảnh nền kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều biến động và dự báo giá dầu vẫn giảm mạnh sẽ tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của PVI. Bên cạnh đó, sức ép cạnh tranh khi nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu rộng vào các hiệp định TPP, AEC...

PVI xác định năm 2016 là năm bản lề rất quan trọng của PVI khi mở đầu cho giai đoạn phát triển mới. Do đó, PVI đặt mục tiêu trọng tâm vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh, thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ, hệ thống công nghệ quản lý tập trung, phát triển chiều sâu với đội ngũ nhân sự tinh nhuệ,

quản trị hệ thống minh bạch... góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông. Cùng với phương châm phát triển xuyên suốt dựa trên hai nguồn lực chính, cốt lõi là con người và công nghệ, để thực hiện thành công các nhiệm vụ năm 2016, toàn bộ hệ thống PVI cần triển khai cụ thể hóa các mục tiêu, giải pháp chính như sau:

- Hoàn thiện mô hình tái cơ cấu theo hướng chiều sâu và hiệu quả:

+ Tăng vốn điều lệ, mở rộng thị trường gắn với hiệu quả, giữ vững vị trí số 1 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam;

+ Tăng vốn điều lệ và tìm cổ đông chiến lược cho Tái bảo hiểm PVI để nâng cao năng lực, quy mô tài chính, đẩy mạnh hiệu quả kinh doanh bảo hiểm cho toàn hệ thống;

+ Tiếp tục hoàn thiện mô hình đầu tư của PVI AM nhằm đẩy mạnh và trở thành hoạt động lõi, trụ cột chính, quan trọng trong toàn hệ thống.

- Nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị, điều hành hệ thống đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo tính minh bạch, chuyên nghiệp, phù hợp, kịp thời với những thay đổi trong công tác tái cơ cấu của toàn hệ thống.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển và chuẩn hóa các sản phẩm lõi theo tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với yêu cầu cũng như khả năng chịu rủi ro của từng khách hàng, nâng cao chất lượng tư vấn và dịch vụ sau bán hàng.

- Xây dựng quy chế quản lý thương hiệu tổng thể cho toàn hệ thống, phát triển và nâng tầm thương hiệu PVI trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Hoàn thiện chiến lược quản lý và phát triển nguồn nhân lực cho toàn hệ thống PVI giai đoạn 2016 - 2020.

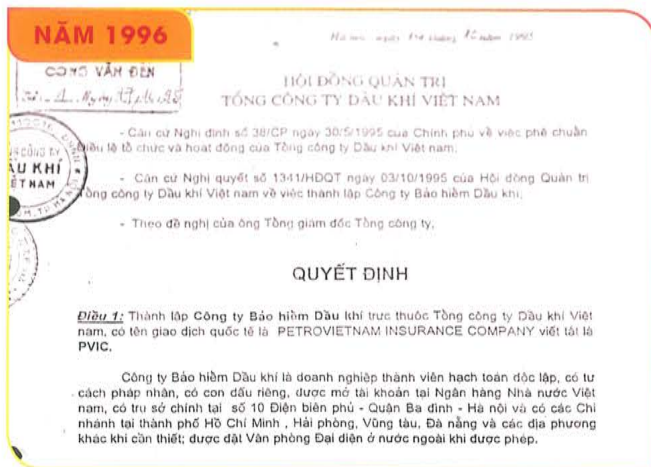
Thay mặt Ban lãnh đạo PVI, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các cơ quan quản lý Nhà nước, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ủng hộ, hỗ trợ và chỉ đạo để PVI tiếp tục phát triển bền vững. Tôi xin cảm ơn Quý cổ đông, đối tác, khách hàng đã tin tưởng và cùng chúng tôi tạo nên những thành quả cho PVI trong 20 năm qua. Tôi cũng xin cảm ơn tập thể nhân viên PVI đã nỗ lực đóng góp để "Ngọn lửa của Niềm tin" tiếp tục tỏa sáng trong giai đoạn phát triển mới.

Trân trọng!



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Ngày 23/01/1996 **Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập**, với vai trò là công ty bảo hiểm nội bộ ngành Dầu khí, quản lý mọi rủi ro và tài sản của ngành ở trong nước và quốc tế.



Hoàn thiện mô hình hoạt động theo phương án tái cấu trúc đề ra, PVI chuẩn bị kỹ lưỡng cho sự ra đời của công ty con là **Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life** do PVI sở hữu 51% vốn điều lệ và **Sun Life Financial** (Canada) sở hữu 49% vốn điều lệ.

Mục tiêu của **PVI Sun Life** là trở thành **doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ Việt Nam**.

Tháng 7/2012 **PVI cũng đã tăng vốn điều lệ lên 2.342 tỷ đồng** thông qua hoạt động phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược hiện hữu là **Tập đoàn Talanx** (Đức).

Năm 2006, theo xu hướng của nền kinh tế thị trường, PVI tiến hành cổ phần hóa và đổi tên thành **Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam**. Có thể nói, con đường thành công của PVI đã thực sự rộng mở từ đây.

Ngày 30/12/2006 **PVI lần đầu tiên chào bán cổ phần ra công chúng**, lập kỷ lục phiên chào bán cổ số lượng đăng ký nhiều nhất.



Trong năm 2013, **Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re)** đã hoàn thành chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ 668 tỷ đồng, trong đó 68,86% vốn thuộc về PVI. PVI Re cũng chính thức được chấp thuận là nhà tái bảo hiểm đủ tiêu chuẩn thuộc Security List của Talanx.

Ngày 21/9/2010 PVI được trao tặng **Huân chương Lao động hạng Nhất**.

Năm 2010, **PVI trở thành doanh nghiệp bảo hiểm đầu tiên nhận được đánh giá xếp hạng năng lực tài chính B+ (Tốt)** của tổ chức xếp hạng danh tiếng **A.M. BEST**.

Với việc trở thành đối tác chiến lược của **Quý Đầu tư Oman (OIF)** trong năm 2010 và hàng loạt các dự án lớn, PVI khẳng định vị thế số 1 của mình trên thị trường bảo hiểm Việt Nam, hoàn toàn thuyết phục Tạp chí World Finance (Anh) trao giải thưởng "Nhà Bảo hiểm tiêu biểu của năm 2010" cho mình.

NĂM 2010



Ngày 27/5/2011 PVI được phong tặng danh hiệu **Anh hùng Lao động**.

Tháng 8/2011 PVI tái cấu trúc hoạt động theo mô hình Công ty mẹ (Công ty Cổ phần PVI) - Công ty con với 2 công ty trực thuộc hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ (Tổng Công ty Bảo hiểm PVI) và tái bảo hiểm (Công ty Tái bảo hiểm PVI).

Tháng 11/2011 PVI trở thành **đối tác chiến lược của Tập đoàn Talanx (CHLB Đức)**.

NĂM 2011



NĂM 2014



Ngày 15/01/2014 **PVI vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng phần thưởng cao quý: Huân chương Độc lập hạng Ba**. Lễ đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba được tổ chức long trọng tại tòa nhà PVI.



Sau hơn 3 năm thi công, với những nỗ lực và quyết tâm cao nhất, ngày 10/01/2014 **Công ty Cổ phần PVI đã long trọng tổ chức Lễ Khánh thành Tòa nhà PVI tại 168 Trần Thái Tông, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội**. Sự kiện này đánh dấu một bước phát triển mới của PVI, tương xứng với tầm vóc của một định chế Bảo hiểm - Tài chính hàng đầu Việt Nam.

SỰ KIỆN VÀ DANH HIỆU NỔI BẬT 2015



Thành lập Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI
ngày 03/02/2015



Đại hội Đảng bộ Công ty Cổ phần PVI nhiệm kỳ 2015 - 2020



Hội nghị điển hình tiên tiến giai đoạn 2010 - 2015

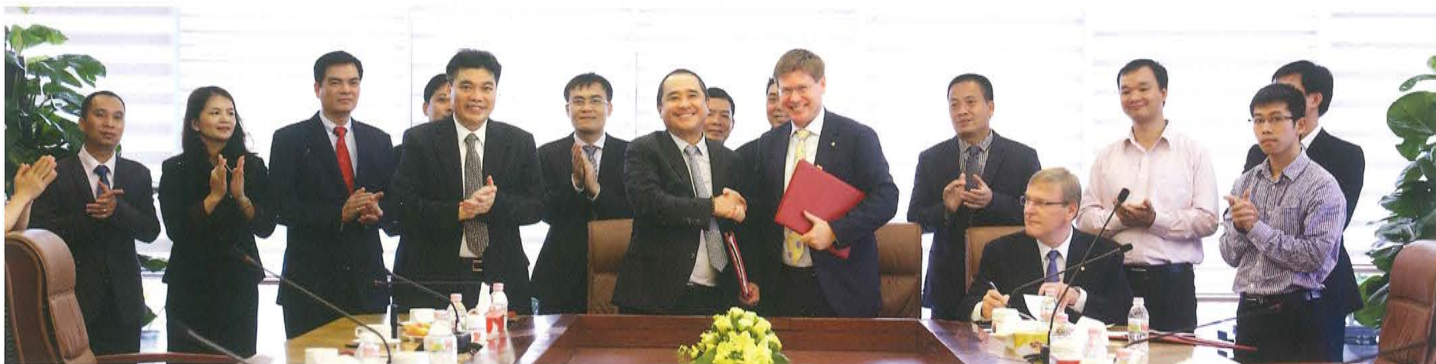
Brand Finance®



Vietnam 50 2015

The Brand Finance Top 50 Vietnam Brands 2015
October 2015

PVI được tổ chức đánh giá thương hiệu Quốc tế Brand Finance bình
chọn là 1 trong 50 công ty có thương hiệu tốt nhất Việt Nam



PVI chuyển nhượng thành công 26% vốn điều lệ tại PVI Sun Life cho Tập đoàn Bảo hiểm Sun Life Financial Canada

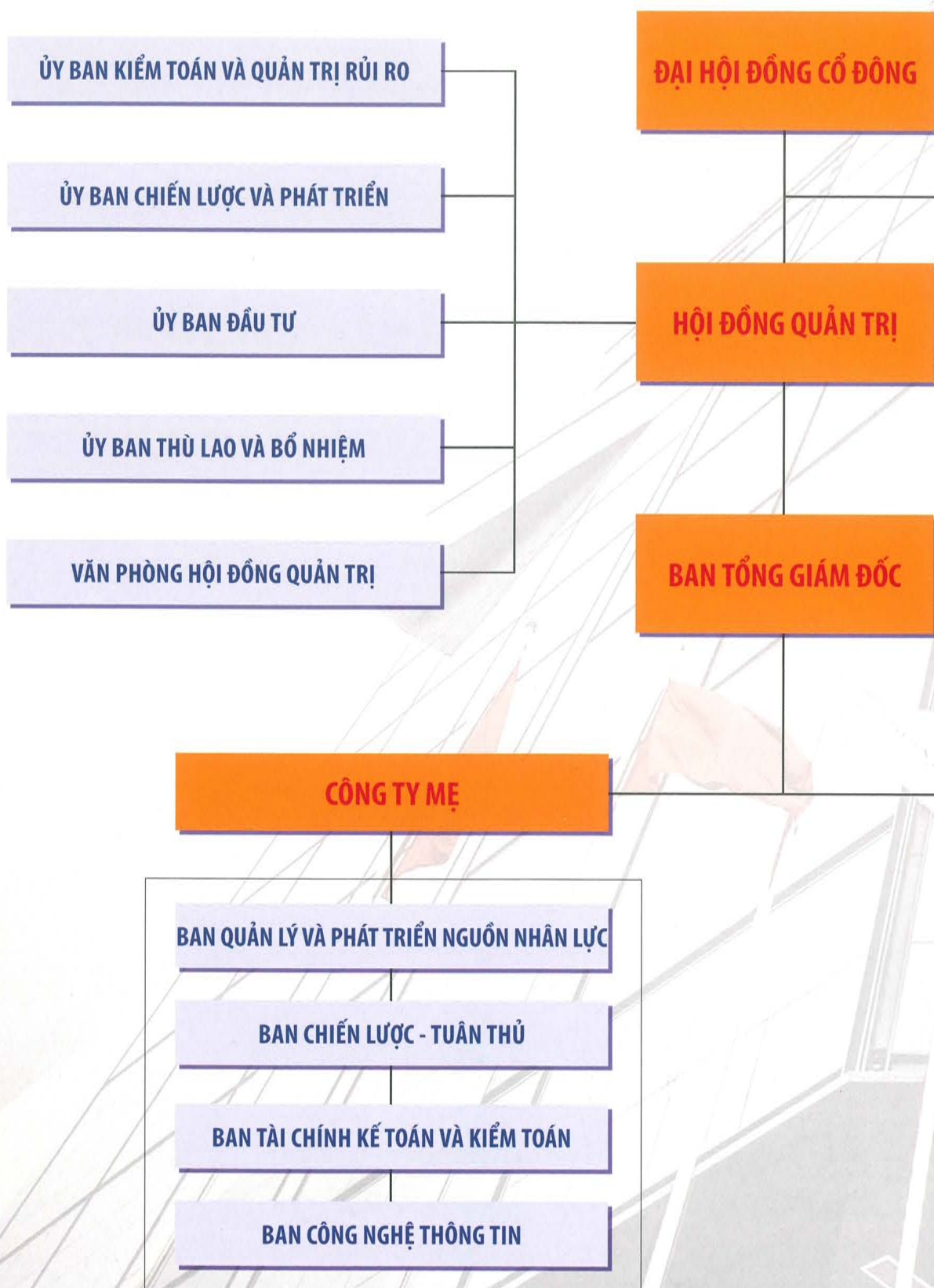


Ngày hội Văn hóa - Thể thao PVI toàn quốc kỷ niệm 20 năm ngày thành lập



Gặp mặt kỷ niệm 20 năm ngày thành lập PVI

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

BAN KIỂM SOÁT

- ★ **KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ, PHI NHÂN THỌ, TÁI BẢO HIỂM**
- ★ **QUẢN LÝ VỐN - ĐẦU TƯ**
- ★ **QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN**

CÁC CÔNG TY CON

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI

TỔNG CÔNG TY CP TÁI BẢO HIỂM PVI

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFE

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ PVI

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ MINH BẠCH - KINH DOANH



Ông **ULRICH HEINZ WOLLSCHLÄGER**
Thành viên HĐQT

Ông **DƯƠNG THANH DANH FRANÇOIS**
Thành viên HĐQT

Ông **NGUYỄN KHUYẾN NGUỒN**
Thành viên HĐQT

Ông **NGUYỄN ANH TUẤN**
Chủ tịch HĐQT

HIỆU QUẢ - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Ông BUI VAN THUAN

Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc

Ông TON THIEN VIET

Thành viên HĐQT

Ông HUSSAIN MOHAMED REDHA ALI

Thành viên HĐQT

Ông TUNG SING LAU

Thành viên HĐQT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁ NHÂN TRÁCH NHIỆM - HỆ THỐNG



Ông **PHẠM ANH ĐỨC**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **VŨ VĂN THẮNG**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **TRƯƠNG QUỐC LÂM**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **BÙI VĂN THUẬN**
Tổng Giám đốc

KỶ CƯỜNG - TẬP THỂ CỐNG HIẾN



Ông **PHẠM KHẮC DŨNG**

Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ông **PHÙNG TUẤN KIÊN**

Phó Tổng Giám đốc

Ông **NGUYỄN NGỌC MINH**

Phó Tổng Giám đốc

Ông **TRẦN DUY CƯƠNG**

Kế toán trưởng

BAN KIỂM SOÁT



Ông **OLIVER MASSMANN**
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông **JENS HOLGER WOHLTHAT**
Phó Trưởng ban Kiểm soát



Bà HÀ LAN

Trưởng ban Kiểm soát

Bà TRẦN THU HÀ

Thành viên Ban Kiểm soát

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ VÀ NGUỒN NHÂN LỰC



Trong năm 2015, PVI tiếp tục chủ động nâng cao Mô hình quản trị doanh nghiệp tiếp cận theo chuẩn mực quốc tế, đồng thời xây dựng chiến lược quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cụ thể như sau:

I. HỆ THỐNG QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị doanh nghiệp của PVI được chia thành hai cấp, trong đó:

1. CÔNG TY MẸ

Thực hiện chức năng quản trị doanh nghiệp, đóng vai trò kiến tạo, điều hành, quản lý và giám sát theo định hướng chiến lược phát triển toàn bộ hệ thống PVI. Trong năm 2015, cơ cấu tổ chức đã được cấu trúc lại tinh gọn, bao gồm 04 Ban chức năng: Ban Quản lý và Phát triển nguồn nhân lực; Ban Chiến lược và Tuân thủ; Ban Tài chính kế toán và Kiểm toán; và Ban Công nghệ thông tin.

2. CÁC CÔNG TY CON

Thực hiện hoạt động kinh doanh lõi trong lĩnh vực bảo hiểm, bao gồm bảo hiểm phi nhân thọ; bảo hiểm nhân thọ; tái bảo hiểm; và hoạt động quản lý quỹ - tài sản.

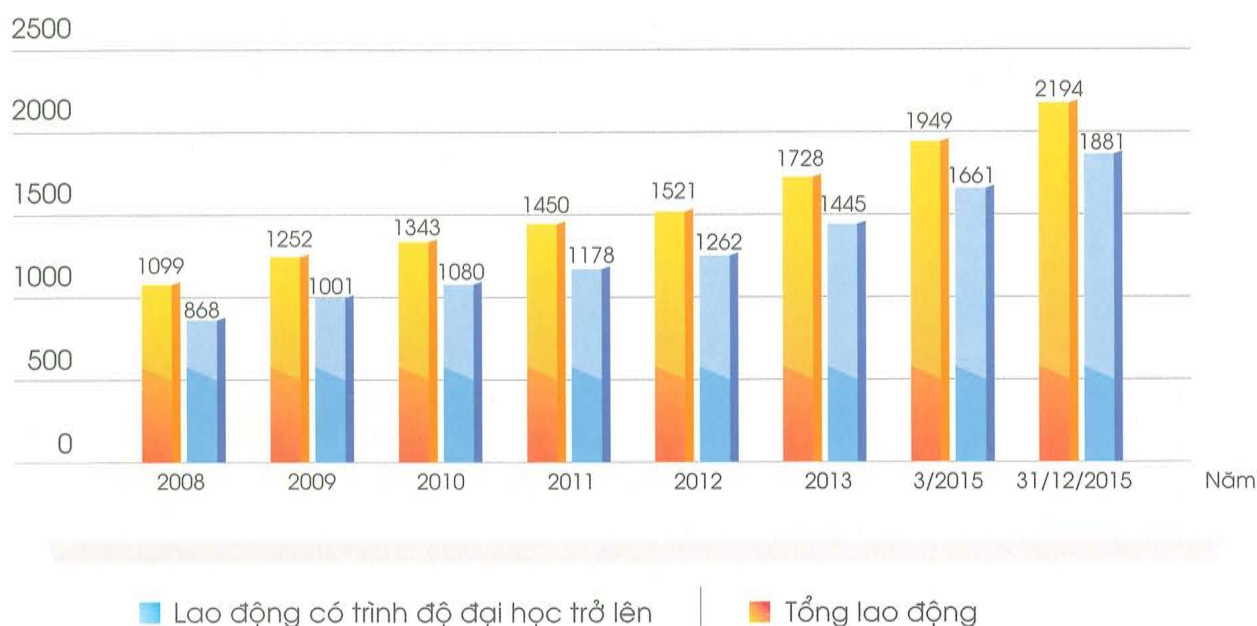
II. NGUỒN NHÂN LỰC

PVI tiến hành xây dựng Chiến lược quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực với mục đích tạo ra một lực lượng lao động chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho giai đoạn phát triển mới.

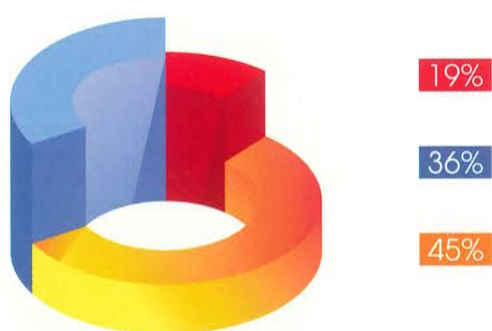
Trong năm 2015, PVI đã tổ chức 89 khóa đào tạo, với số lượt cán bộ được đào tạo là 3.653 lượt người. PVI chú trọng các khóa đào tạo chuyên sâu về kinh doanh bảo hiểm, quản lý quỹ, tài sản; đồng thời tăng cường tổ chức các khóa đào tạo nội bộ (chiếm 60% tổng số khóa đào tạo trong năm 2015) cho đối tượng là cán bộ, khách hàng và đại lý của PVI, với đội ngũ giảng viên nội bộ có kinh nghiệm và kiến thức chuyên sâu, đạt được yêu cầu về tính thực tiễn cao, bám sát được các quy trình, quy định của PVI.

Tại thời điểm 31/12/2015, tổng số lao động toàn PVI là **2.194** người.

• BIỂU ĐỒ NHÂN SỰ CỦA PVI TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2015:

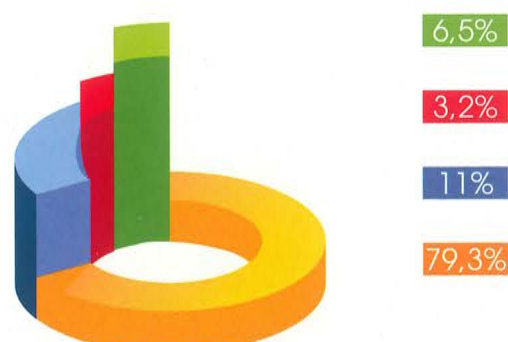


• CƠ CẤU ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG



- Lao động dưới 30 tuổi
- Lao động từ 30 tuổi - 39 tuổi
- Lao động từ 40 tuổi trở lên

• CƠ CẤU NHÂN LỰC THEO TRÌNH ĐỘ



- Thạc sĩ, Tiến sĩ
- Cao đẳng, Trung cấp
- Đại học
- Khác

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015 2015 Annual General Meeting of Shareholders

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2015 / Hanoi, 15th Apr



PVI là một doanh nghiệp niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với gần 6.000 cổ đông, PVI luôn chú trọng hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư, bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, cũng như đảm bảo sự đối xử bình đẳng giữa các cổ đông và công bố thông tin minh bạch, qua đó củng cố mối quan hệ vững chắc, tạo dựng niềm tin lâu dài giữa PVI và nhà đầu tư.

Bộ phận Quan hệ cổ đông của PVI đã làm tốt chức năng là cầu nối hữu hiệu gắn kết cổ đông, nhà đầu tư và doanh nghiệp. Không chỉ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các cổ đông mới có điều kiện đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp, PVI luôn sẵn sàng đối thoại với cổ đông và các nhà đầu tư quan tâm, tổ chức nhiều cuộc gặp gỡ, trao đổi với các nhà đầu tư, các quỹ, tổ chức tài chính trong

và ngoài nước nhằm tiếp nhận và giải đáp thắc mắc, cung cấp những thông tin về tình hình kinh doanh, chiến lược phát triển của PVI. Ngoài ra, PVI đã phát hành định kỳ Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị doanh nghiệp, Báo cáo tài chính, giúp các nhà đầu tư có cái nhìn sâu sắc, toàn diện về doanh nghiệp.

PVI cũng luôn có trách nhiệm trong việc thực hiện minh bạch thông tin tới nhà đầu tư. Ngoài việc luôn tuân thủ nghiêm túc các yêu cầu công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và HNX, PVI còn chủ động công bố kịp thời các thông tin về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, quản trị và các thông tin có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư... trên website chính thức của công ty (www.pvi.com.vn) cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng để

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG PVI (TẠI NGÀY 31/12/2015)

Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Số lượng CP hiện tại	Tỷ lệ sở hữu CP hiện tại
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	18 Láng Hạ, Hà Nội	Dầu khí, Đầu tư	83.149.740	35,50%
HDI-Gerling Industrie Versicherung AG (Talanx)	CHLB Đức	Bảo hiểm, Tài chính	74.531.503	31,82%
Funderburk Lighthouse Ltd (OIF)	Oman	Quỹ Đầu tư	27.117.895	11,58%
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)	22 Ngô Quyền, Hà Nội	Ngân hàng, Tài chính	14.593.243	6,23%
Khác			34.849.486	14,87%

nhà đầu tư có thể nắm bắt kịp thời các thông tin liên quan đến hoạt động của PVI. Bên cạnh đó, PVI cũng luôn chú trọng đến các thông tin về kế hoạch phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. PVI sẵn sàng cung cấp thông tin đa chiều để cổ đông và nhà đầu tư có cái nhìn toàn diện về doanh nghiệp.

Ghi nhận những kết quả của PVI trong hoạt động quan hệ cổ đông và minh bạch thông tin tới nhà đầu tư, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã liên tục 3 năm (2013-2015) vinh danh PVI là 1 trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất.

Năm 2016, PVI sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động thông tin cổ đông với một số hoạt động cụ thể như:

- Tăng cường gặp gỡ nhà đầu tư, tìm hiểu nhu cầu của các cổ đông, nhà đầu tư để giải đáp các vấn đề nhà đầu tư quan tâm. Cung cấp thông tin cho nhà đầu tư kịp thời, hiệu quả;
- Hợp tác với cơ quan truyền thông, các kênh thông tin chuyên ngành kinh tế, bảo hiểm, tài chính, chứng khoán nhằm cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư.

PVI cam kết và khẳng định tôn chỉ hoạt động hướng về lợi ích nhà đầu tư và cổ đông - những người đã cùng đồng hành với PVI trên chặng đường phát triển những năm qua và trong những năm tiếp theo.

CÁC CÔNG TY CON

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI (BẢO HIỂM PVI)



Năm 2015 tiếp tục là năm Bảo hiểm PVI đạt nhiều thành công, là năm thứ hai tiếp tục giữ vững vị trí số 1 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh theo đúng Chiến lược phát triển

Bên cạnh việc tái tục thành công 100% các dịch vụ lớn trong lĩnh vực bảo hiểm công nghiệp truyền thống (dầu khí - năng lượng), Bảo hiểm PVI tiếp tục thành công trong việc triển khai tư vấn và cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho một số dự án trong các lĩnh vực kinh tế khác như:

- Hoàn thành nhiệm vụ tư vấn quản lý rủi ro cho toàn bộ dự án dầu khí và đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong bối cảnh giá dầu giảm. Các nhà thầu dầu khí nước ngoài cũng tin tưởng và lựa chọn PVI trong việc cung cấp bảo hiểm cho các tài sản và hoạt động tại Việt Nam cũng như khu vực;
- Thể hiện vai trò nhà bảo hiểm dẫn dắt thị trường và được các chủ đầu tư, các nhà thầu lựa chọn là nhà bảo hiểm cho các công trình, dự án trọng điểm có vốn ngân sách nhà nước như: 10 dự án cảng Lạch Huyện, dự án đầu tư xây dựng công trình QL1 đoạn tránh thành phố Phú Lý, dự án mở rộng nâng cấp QL3 mới đoạn Thái Nguyên chợ mới, dự án BOT QL38 Yên Lệnh, dự án xây dựng cho Khu công nghệ cao tại Hòa Lạc, gói thầu J3 dự án Bến Lức - Long Thành, dự án Nhà máy Nhiệt điện

Duyên Hải 3 mở rộng, gói thầu bảo hiểm toàn bộ hệ thống tiến và tài sản của Ngân hàng Agribank... và các khách hàng lớn như: Vinamilk, Vin Group, Sun Group...

- Tập trung triển khai đối tượng khách hàng nước ngoài, các tập đoàn kinh tế Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ... trên cơ sở đón dòng vốn FDI, chuẩn bị đón TPP, hiệp định hợp tác Việt Nam - Hàn Quốc, Việt Nam - EU... Kết quả đạt được rất khả quan như đã ký được thỏa thuận hợp tác với Bảo hiểm Lotte của Hàn Quốc, Môi giới bảo hiểm Marnix thuộc Tập đoàn Marubeni của Nhật Bản, cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho Samsung Electric, Lotte Group của Hàn Quốc, các dự án cảng biển lớn (cảng Lạch Huyện) với nhà thầu TOA, khu công nghệ cao Láng - Hòa Lạc với nhà thầu Taisei của Nhật Bản...

Điểm sáng trong kết quả kinh doanh của Bảo hiểm PVI trong năm 2015 là sự phát triển ổn định của hệ thống bán lẻ:

- Thành lập Bảo hiểm PVI Gia Lai, 14 P.KDKV và 11 điểm giao dịch, đưa tổng số công ty thành viên bán lẻ lên 28 đơn vị, 95 P.KDKV trên toàn quốc.
- 2.100 đại lý đang hoạt động, doanh thu ước đạt 350 tỷ đồng, chiếm 11% doanh thu khối bán lẻ.
- Việc hợp tác kinh doanh với ngân hàng được triển khai mạnh, doanh thu từ kênh liên kết với ngân hàng ước đạt 120 tỷ đồng, tăng gần gấp đôi doanh thu năm 2014.

- Chất lượng dịch vụ của hệ thống đơn vị thành viên được nâng cao:

- Bảo hiểm PVI là một trong số ít các công ty bảo hiểm ở Việt Nam thành lập trung tâm chăm sóc khách hàng với đầy đủ các dịch vụ tốt nhất bao gồm bảo hiểm trực tuyến, Contact Center 24/7, trung tâm bảo lãnh viện phí, giám định trực tuyến, triển khai đồng bộ, rộng rãi phần mềm giám định PVI 24/7 trong việc giám định xe cơ giới;

- Đẩy mạnh khai thác Bảo hiểm tàu cá Nghị định 67 theo hướng dẫn của Bộ Tài chính với tổng giá trị bảo hiểm thân tàu là 582 tỷ đồng; tổng số ngư dân được bảo hiểm: 8.115 ngư dân với tổng số tiền được bảo hiểm là 522 tỷ đồng.

10 THÀNH TỰU NỔI BẬT 2015

- Duy trì vị trí doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ số 1 trên thị trường bảo hiểm Việt Nam với doanh thu trên 6.457 tỷ đồng, chiếm 22% thị phần;

- Dẫn đầu trong lĩnh vực bảo hiểm hàng không, tiếp tục chiếm lĩnh thị trường bảo hiểm công nghiệp truyền thống;

- Khối đơn vị thành viên doanh thu tăng trưởng trên 40%, cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2015;

- Doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam duy nhất đạt tín nhiệm B++ và cải thiện triển vọng xếp hạng theo đánh giá của tổ chức xếp hạng quốc tế A.M. Best;

- Chuyển đổi thành công mô hình quản trị theo khối chức năng;

- Áp dụng thành công hệ thống chỉ tiêu giám sát (KPI) vào quản trị doanh nghiệp;

- Thành lập 2 Văn phòng đại diện chăm sóc khách hàng phía Bắc và phía Nam;

- Tăng cường hiện diện thương mại với sự ra

đời của thành viên thứ 29 - Bảo hiểm PVI Gia Lai;

- Tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ Tổng công ty lần thứ I nhiệm kỳ 2015 - 2020;

- Tổ chức thành công Ngày hội Văn hóa - Thể thao PVI tại 3 miền Bắc - Trung - Nam với sự tham gia của hơn 3.000 cán bộ, nhân viên và đại lý.

CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 2016

- Giữ vững vị trí doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ dẫn đầu thị trường về doanh thu và lợi nhuận, đặc biệt là về doanh thu bảo hiểm gốc;

- củng cố vị thế là doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam có chỉ số tín nhiệm cao nhất thị trường;

- Giữ vững khách hàng trong lĩnh vực Dầu khí trên cơ sở xây dựng chương trình bảo hiểm an toàn và hiệu quả cho các tài sản, công trình, hoạt động của Tập đoàn, các công ty thành viên và nhà thầu Dầu khí;

- Phát huy các thế mạnh của Tập đoàn Dầu khí và của PVI, phát triển kinh doanh bảo hiểm công nghiệp trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;

- Tận dụng hệ thống khách hàng công nghiệp song song với tập trung xây dựng và phát triển hệ thống bán lẻ mạnh nhằm khai thác tối đa và chăm sóc khách hàng ngày một tốt hơn;

- Tăng vốn điều lệ để bổ sung nguồn vốn kinh doanh cho công ty, nâng cao năng lực tài chính cũng như mức giữ lại;

- Sử dụng hiệu quả và theo đúng quy định pháp luật nguồn vốn nhàn rỗi từ doanh thu phí bảo hiểm, dự phòng nghiệp vụ và nguồn vốn hợp pháp khác;

- Nâng cao đời sống cho các cán bộ - nhân viên.



CÁC CÔNG TY CON (TIẾP THEO)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI (PVI RE)



Năm 2015, PVI Re đã thực hiện đúng định hướng chiến lược và tiếp tục thành công hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh: tổng doanh thu đạt 1.955 tỷ đồng (đạt 112% kế hoạch); lợi nhuận trước thuế đạt 154,1 tỷ đồng (đạt 100% kế hoạch).

Kết thúc năm 2015 PVI Re đã hoàn thành các công việc trọng tâm như sau:

- Hoàn thành vượt mức các mục tiêu doanh thu và lợi nhuận.
- Hoàn thành công tác kiện toàn mô hình quản trị doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức và cán bộ quản lý, đảm bảo bộ máy vận hành tốt và hiệu quả. Chính sách khai thác luôn được chú trọng và điều chỉnh kịp thời. Thu xếp thành công một số hợp đồng quan trọng như Hợp đồng tái bảo hiểm cố định năng lượng và các hợp đồng bảo vệ 2016, các hợp đồng này phù hợp với chiến lược dài hạn của công ty và diễn biến thực tế của thị trường.
- Công nghệ thông tin được chú trọng phát triển.

Hệ thống Quản lý nghiệp vụ được nâng cấp, hỗ trợ tích cực cho công tác quản trị và kinh doanh.

- PVI Re luôn đề cao xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, đội ngũ CBNV đoàn kết, có trách nhiệm và có trình độ chuyên môn cao.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2016

- Hoàn thành tốt mục tiêu doanh thu, lợi nhuận, chia cổ tức 2016;
- Hoàn thành chiến lược quản lý và phát triển nguồn nhân lực;
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp, cùng với việc hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình phù hợp với mô hình quản trị;
- Tìm kiếm cổ đông chiến lược;
- Phát triển CNTT theo hướng tự động hóa; nâng cao ứng dụng CNTT trong công tác kế toán;
- Nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính;
- Quản lý chặt chẽ dòng tiền và công nợ.

CÁC CÔNG TY CON (TIẾP THEO)

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFE



Trong năm 2015, PVI Sun Life tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra, với tổng doanh thu phí bảo hiểm là 810 tỷ đồng, đạt 121% kế hoạch.

- Kênh khách hàng doanh nghiệp đạt kết quả kinh doanh tốt với 704 tỷ đồng doanh thu phí vượt kế hoạch (kế hoạch năm 2015 là 502 tỷ đồng).

- Doanh số kênh đại lý tăng 75% so với năm 2014. Các chương trình lương thưởng, tuyển dụng mới đã được áp dụng nhằm tăng hiệu quả kinh doanh của kênh đại lý.

- Nghiệp vụ bảo hiểm đã được chú trọng nâng cao thông qua việc áp dụng các kênh thu phí mới, cải thiện tỷ lệ thu phí tái tục; hệ thống hỗ trợ kênh đại lý; dự án hệ thống Tài khoản (COA) đã được hoàn thành.

TRÊN CƠ SỞ KẾT QUẢ NĂM 2015, PVI SUN LIFE XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ NĂM 2016:

- Nâng cao hoạt động đầu tư nhằm tối đa hóa hiệu quả sinh lời của danh mục đầu tư, tiếp tục thực hiện theo chiến lược đầu tư đã được phê duyệt và đa dạng hóa các tài sản đầu tư nhằm tăng mức lợi nhuận.

- củng cố và phát triển kênh đại lý mới thành lập năm 2015.

- Tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ để nâng cao kỹ năng của đội ngũ nhân sự hiện tại, chú trọng định hướng phát triển cho nhân viên và có các chính sách giữ chân người tài.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm hỗ trợ tốt nhất cho công tác bán hàng và nâng tỷ lệ duy trì hợp đồng.

- Tập trung đánh giá chiến lược phát triển sản phẩm Bảo hiểm hưu trí cho phù hợp với các thay đổi của pháp luật và đảm bảo khả năng cạnh tranh.

CÁC CÔNG TY CON (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PVI (PVI AM)

PVI AM được thành lập ngày 03/02/2015 theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 55/GP-UBCK với vốn điều lệ 50 tỷ đồng, trong đó PVI nắm giữ 35%. Ngay trong năm đầu tiên đi vào hoạt động, PVI AM đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh doanh với một số kết quả nổi bật như sau:

- Hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh với doanh thu đạt 21,989 tỷ đồng, bằng 104% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 5,1 tỷ đồng, bằng 157% kế hoạch.
- Hoàn thiện mô hình quản lý Quỹ. Thành lập Quỹ đầu tư cơ hội PVI (POF) với số vốn thực góp đạt 440 tỷ đồng, đây là 1 trong 3 quỹ thành viên lớn nhất thị trường.
- Công tác tư vấn và quản lý danh mục đầu tư đạt nhiều kết quả khả quan với tổng tài sản quản lý và tư vấn đạt gần 8.800 tỷ đồng và Tòa nhà PVI do PVI AM quản lý đã giành giải **"Dự án văn phòng**

xuất sắc nhất Việt Nam năm 2015" tại Giải thưởng Bất động sản Châu Á - Thái Bình Dương 2015 - 2016.

Với tầm nhìn đến năm 2020 là "PVI AM nằm trong số 5 công ty quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam về tổng tài sản quản lý và hiệu quả hoạt động, có hệ thống khách hàng, đối tác trong nước và quốc tế rộng lớn", PVI AM xác định nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2016 là:

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh, tăng vốn của Quỹ POF lên 1.000 tỷ đồng;
- Hoàn thiện hệ thống tổ chức và quản trị doanh nghiệp;
- Phát triển các hoạt động kinh doanh cốt lõi, trong đó tập trung vào các hoạt động M&A;
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả và văn hóa doanh nghiệp.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2015, Hội đồng Quản trị (HĐQT) PVI đã thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Ban TGD. Bên cạnh công tác giám sát, HĐQT đã chỉ đạo Ban TGD hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ PVI và thực hiện đúng theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT như sau:

- Tổ chức thành công buổi họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 vào ngày 15/4/2015 và các phiên họp HĐQT theo định kỳ. Năm 2015, HĐQT đã tiến hành 4 phiên họp định kỳ và 12 lần xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, ban hành 20 Nghị quyết HĐQT để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo các hoạt động của công ty.
- Chỉ đạo PVI hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh chính như doanh thu, lợi nhuận trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế khi nhu cầu đầu tư giảm, lãi suất giảm.
- Chỉ đạo tiếp tục triển khai phương án tái cấu trúc doanh nghiệp và hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Chỉ đạo đẩy mạnh phát triển thương hiệu, hỗ trợ các công ty con bảo vệ thành công xếp hạng tín nhiệm quốc tế của A.M. Best.

Trong năm 2015, các Ủy ban thuộc HĐQT (Ủy ban Chiến lược & Phát triển, Ủy ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro, Ủy ban Đầu tư, Ủy ban Thù lao & Bổ nhiệm) đã tư vấn và tham mưu cho HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, giúp nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp trên toàn hệ thống PVI.

HĐQT xác định nhiệm vụ trọng tâm năm 2016 như sau:

- Chỉ đạo PVI hoàn thành tốt kế hoạch năm 2016 do ĐHĐCĐ giao. Bám sát diễn biến kinh tế xã hội và hoạt động kinh doanh của PVI để đưa ra các quyết sách hợp lý và kịp thời, hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2016.
- Chỉ đạo tiếp tục công tác tái cơ cấu, tập trung nâng cao hiệu quả công tác quản trị, giám sát hệ thống tại các đơn vị.
- Xây dựng chiến lược kế hoạch giai đoạn 2016-2020 và định hướng xây dựng PVI trở thành định chế Tài chính - Bảo hiểm có thương hiệu quốc tế với nền tảng hệ thống quản trị minh bạch, nguồn nhân lực chất lượng cao và hệ thống công nghệ hiện đại.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát (BKS) định kỳ tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của PVI qua các báo cáo từ các ban nghiệp vụ, người đại diện của PVI tại các công ty con, công ty liên kết và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ, tài liệu liên quan; đồng thời phối hợp với Ban Chiến lược và Tuân thủ, Ban Tài chính kế toán và Kiểm toán xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát và thực hiện kiểm tra giám sát.

Nội dung kiểm tra giám sát trong năm 2015 bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban TGD.
- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT và thẩm định báo cáo hoạt động của HĐQT; Giám sát các hoạt động đầu tư của PVI.
- Thẩm định Báo cáo Tài chính; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính hằng quý trong năm 2015.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch SXKD hằng quý của PVI.
- Tổ chức họp BKS.
- Giám sát việc sửa đổi và hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ của PVI.
- Giám sát tình hình xử lý công nợ quá hạn của PVI và các công ty con.
- Kiểm tra trực tiếp các công ty thành viên thông qua việc phối hợp với đoàn kiểm tra, kiểm toán của PVI theo kế hoạch kiểm tra năm 2015.
- Kiểm tra giám sát công tác tái cấu trúc của PVI.

- Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm.

- Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi quý, BKS đều có các ý kiến đánh giá, phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVI, nhằm khắc phục các tồn tại, đảm bảo công tác kinh doanh của PVI đạt hiệu quả cao nhất. Các hoạt động của BKS được thực hiện theo đúng các quy định về tổ chức hoạt động của BKS PVI, quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ PVI, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

III. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN TGD

HĐQT PVI đã thực hiện giám sát và chỉ đạo Ban TGD hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của PVI. Bên cạnh đó, HĐQT cũng phối hợp tích cực với BKS tăng cường cơ chế quản trị rủi ro cho hoạt động của công ty.

Ban TGD đã điều hành các hoạt động kinh doanh và các lĩnh vực khác của PVI theo sát những quyết sách của HĐQT, đảm bảo sự phối hợp hoạt động quản trị của PVI được hiệu quả.

BKS đã nhận được sự hợp tác tốt từ HĐQT và Ban TGD. Ban TGD và các Ban chức năng đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát của BKS. Bên cạnh việc tăng cường kiểm tra định kỳ, BKS duy trì sự độc lập trong mọi hoạt động của mình, nâng cao chất lượng công việc.



QUẢN LÝ RỦI RO



Quản lý rủi ro có ý nghĩa quan trọng đối với mọi tổ chức, doanh nghiệp. Hoạt động này mang ý nghĩa sống còn với các doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm. Trong các năm qua, PVI luôn ý thức được vai trò của quản lý rủi ro và triển khai nghiêm túc công tác này trong mọi mặt hoạt động.

Năm 2015, với các rủi ro của nền kinh tế, biến động của giá dầu, thị trường dịch vụ tài chính tiếp tục khó khăn, nhưng PVI đã kịp thời có các giải pháp nâng cao quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế với mô hình kiểm soát tập trung,

đặc biệt trong lĩnh vực quản lý rủi ro cho toàn hệ thống, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty. PVI vừa thực hiện đúng chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh, vừa hạn chế và giảm thiểu những rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện.

Kế hoạch năm 2016, PVI sẽ tiếp tục thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm tra tuân thủ định kỳ các đơn vị, nhằm kịp thời phát hiện những rủi ro và có các giải pháp khắc phục, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh chung của toàn hệ thống.

10 THÀNH TỰU NỔI BẬT NĂM 2015



Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2015 và cả giai đoạn 2011 - 2015 do ĐHCĐ giao.

Kết quả kinh doanh hợp nhất:

- Tổng doanh thu đạt 9.923 tỷ đồng, hoàn thành 118% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 708 tỷ đồng, hoàn thành 162% kế hoạch năm.

Kết quả kinh doanh Công ty Mẹ:

- Tổng doanh thu đạt 983 tỷ đồng, hoàn thành 174% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 569 tỷ đồng, hoàn thành 248% kế hoạch năm.



Xây dựng hệ thống quản trị minh bạch: Thực hiện tái cấu trúc theo chiều sâu, xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2020. Triển khai kiểm toán nội bộ và kiểm tra tuân thủ trong toàn hệ thống.



Trong lĩnh vực Bảo hiểm phi nhân thọ: Bảo hiểm PVI phát triển bền vững, năm thứ hai liên tiếp giữ vị trí số 1 về doanh thu, thị phần và hiệu quả (chiếm 22% thị phần); hệ thống bán lẻ phát triển mạnh (tăng trưởng khoảng 40%).



Thực hiện quản lý rủi ro, cung cấp bảo hiểm cho mọi hoạt động, tài sản, con người một cách an toàn, hiệu quả cho mọi đối tượng khách hàng.



Trong lĩnh vực tái bảo hiểm: Trở thành nhà tái bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, thu xếp các chương trình tái bảo hiểm cho thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Trong lĩnh vực Bảo hiểm nhân thọ: Tiếp tục giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm nhân thọ về sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện, đẩy mạnh khai thác nhóm khách hàng doanh nghiệp, đồng thời mở rộng phát triển hệ thống bán lẻ; hoàn thành xuất sắc kế hoạch tái cấu trúc một cách hiệu quả, giảm tỷ lệ sở hữu của PVI tại PVI Sun Life xuống 25%.



Thành lập Công ty Quản lý quỹ PVI: Hoàn thành toàn bộ chương trình tái cấu trúc theo chỉ đạo của Chính phủ; xây dựng mô hình đầu tư tiếp cận chuẩn mực quốc tế để thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản và danh mục đầu tư.



Tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng bộ PVI lần thứ V nhiệm kỳ 2015 - 2020; Tổ chức thành công các sự kiện hướng tới kỷ niệm 20 năm ngày thành lập PVI.



Xây dựng Chiến lược quản lý, phát triển và đào tạo nguồn nhân lực.



Thương hiệu của PVI tiếp tục được các tổ chức trong và ngoài nước đánh giá cao: Là 1 trong top 50 doanh nghiệp Việt Nam có giá trị nhất do tổ chức Brand Finance xếp hạng; A.M. Best duy trì xếp hạng năng lực tài chính ở mức B++ (tốt) và triển vọng nâng hạng năng lực tín dụng được điều chỉnh từ "ổn định" lên "tích cực" cho Bảo hiểm PVI; Tạp chí uy tín Forbes Việt Nam bình chọn PVI là 1 trong 50 công ty niêm yết tốt nhất trên sàn chứng khoán Việt Nam; HNX bình chọn PVI 3 năm liên tiếp là 1 trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX.



HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG



Ban lãnh đạo PVI trao quà cho bà con huyện Nậm Pồ



Ban lãnh đạo và CBNV PVI dâng hương tưởng niệm các liệt sĩ tại Côn Đảo



PVI trao quà cho các em nhỏ Tây Bắc trong chương trình "Áo ấm cho em"

Cùng với Ban lãnh đạo, Công đoàn PVI đã phát huy tốt vai trò trong việc tham mưu, thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến người lao động, góp phần ổn định việc làm, đảm bảo chế độ chính sách cho người lao động. Bên cạnh đó, PVI cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động như thăm hỏi, động viên người lao động khi ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ, tặng quà nhân ngày 8/3; 20/10; 27/7 và 22/12...

Đặc biệt trong năm 2015, PVI đã tổ chức thành công "Ngày hội văn hóa - thể thao hướng tới kỷ niệm 20 năm Ngày thành lập PVI" tại ba khu vực: miền Bắc - miền Trung - miền Nam. Vòng chung kết diễn ra tại Hà Nội với sự tham gia của gần 1.500 nhân viên PVI, tham gia các môn bóng đá, bóng bàn, tennis và văn nghệ với tinh thần gắn bó, đoàn kết, trao đổi và học hỏi, nhằm xây dựng và phát triển đời sống văn hóa ở tất cả các cấp, đồng thời nâng cao sức khỏe của người lao động PVI. Đây chính là nét đẹp truyền thống đã được bồi đắp, phát triển trong suốt 20 năm qua và hun đúc thành nét riêng của văn hóa PVI, đó là: Bản lĩnh, trí tuệ, kỷ cương, trách nhiệm và nhân ái của các thế hệ người lao động PVI. Người lao động PVI sẽ tiếp tục cùng nhau vững bước đóng góp vào sự phát triển của PVI trong giai đoạn mới.

Kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp đã có từ nhiều năm qua, PVI thường xuyên phát động các phong trào giúp đỡ nhiều hoàn cảnh khó khăn, nhiều địa phương gặp hoạn nạn qua công tác an sinh xã hội của mình. Hằng năm, PVI đóng góp trên 10 tỷ đồng và có thể kể đến một số hoạt động xã hội trong những năm qua như sau:

- Năm 2010, PVI đầu tư kinh phí hoạt động xã hội từ thiện vào khoảng 10 tỷ đồng. Ngoài ra, PVI còn phụng dưỡng suốt đời cho 3 bà mẹ Việt Nam Anh hùng ở tỉnh Quảng Nam và TP Đà Nẵng.

- Năm 2011, PVI thăm và tặng quà cho nạn nhân chất độc da cam, cựu thanh niên xung phong và học sinh gia đình chính sách nghèo vượt khó học giỏi.

- Năm 2012, PVI đóng góp cho các hoạt động an sinh xã hội số tiền gần 18 tỷ đồng.

- Năm 2013, PVI phối hợp với Tỉnh đoàn Quảng Ngãi thăm hỏi và trao 625 suất quà với tổng trị giá 532 triệu đồng cho người dân bị thiệt hại nặng do lũ lụt trên địa bàn tỉnh là 9 xã thuộc 5 huyện: Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Sơn Hà và TP Quảng Ngãi.

- Năm 2014, PVI trao cho Quỹ Tấm lòng Vàng số tiền 1 tỷ đồng để hỗ trợ ngư dân mua bảo hiểm thân thể và bảo hiểm tàu cá, hưởng ứng chương trình “Tấm lưới nghĩa tình vì ngư dân Hoàng Sa, Trường Sa” của Tổng LĐLĐVN phát động.

- Năm 2015, PVI tiếp tục hỗ trợ xây dựng 10 nhà nhân ái, với tổng số tiền 300 triệu đồng. PVI cùng với Ban Vận động “Quỹ bầu ơi” trao tặng 12 nhà Đại đoàn kết cho hộ gia đình nghèo, có hoàn cảnh khó khăn tại thành phố Cà Mau và trao tặng 100 xe đạp cho học sinh nghèo vượt khó thuộc huyện Năm Căn và huyện Ngọc Hiển của tỉnh Cà Mau. PVI cũng đã đồng hành tham gia đoàn công tác từ thiện báo Năng lượng Mới đến tỉnh Lai Châu và Điện Biên để tặng quà Tết Bính Thân cho bà con đồng bào dân tộc và các cán bộ, chiến sỹ với số hàng hóa trị giá 900 triệu đồng.

- Năm 2016, Công đoàn PVI sẽ tiếp tục phát huy vai trò của mình để đóng góp vào sự phát triển chung của PVI.



Tổng Giám đốc PVI Bùi Vạn Thuận (giữa ảnh) cùng đại diện Tỉnh ủy, Tỉnh đoàn Quảng Ngãi khởi công xây nhà nhân ái



Tổng Giám đốc PVI Bùi Vạn Thuận (ngoài cùng bên trái) trao thưởng cho em Kiều Quốc Sang



Các em học sinh nghèo vượt khó tỉnh Cà Mau nhận xe đạp do lãnh đạo PVI trao tặng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

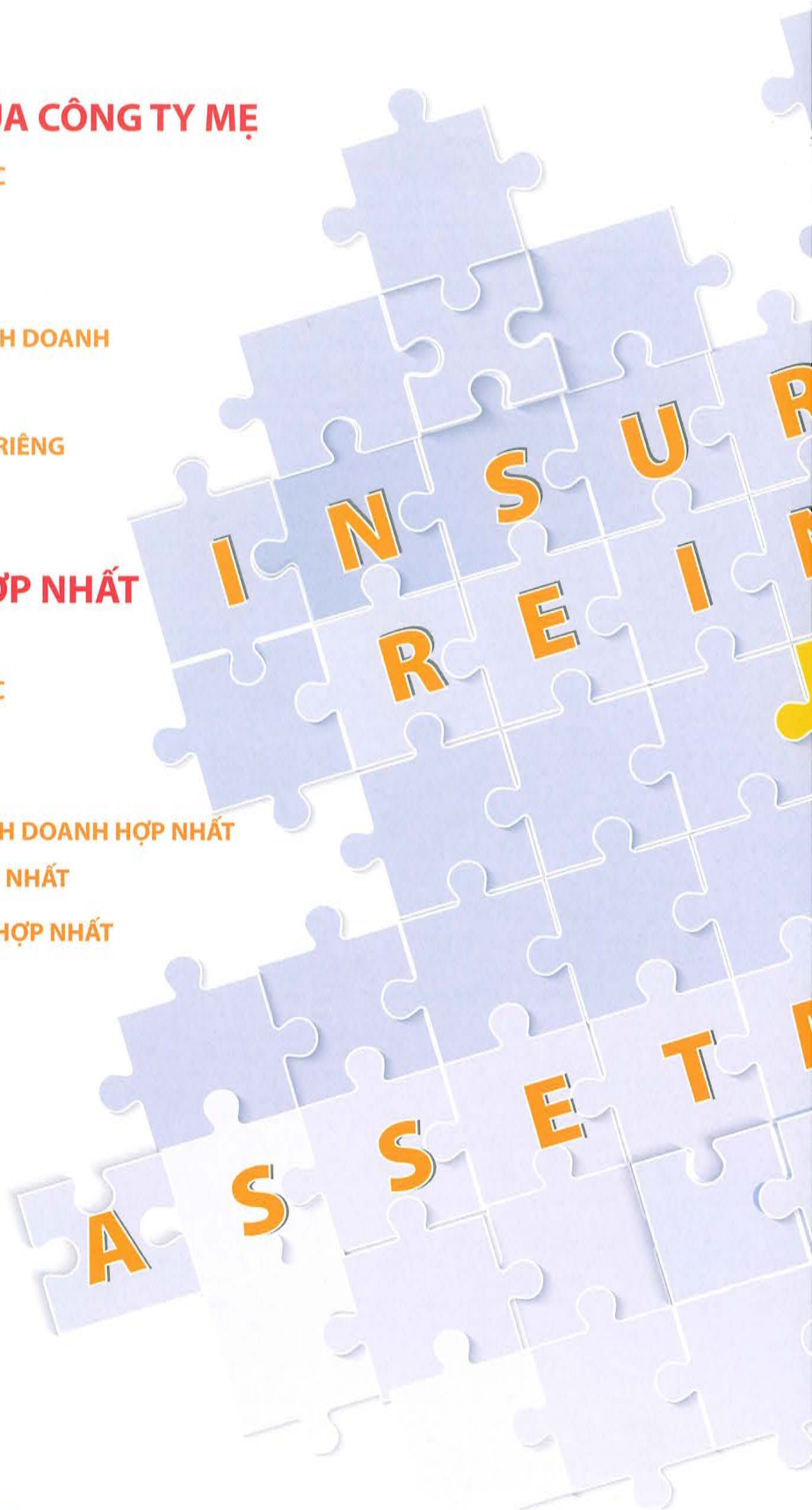
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT





PVI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên
Ông Ulrich Heinz Wollschlager	Ủy viên
Ông Tung Sing Lau	Ủy viên
Ông Hussain Mohamed Redha Ali	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Số: 317/VN1A-HN-BC

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần PVI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 16 tháng 02 năm 2016, từ trang 45 đến trang 83, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03 và Thuyết minh số 32 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của năm nay.

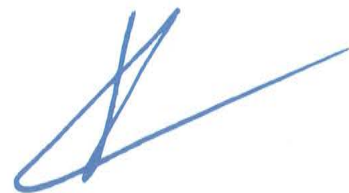


Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 02 năm 2016
Hà Nội. CHXHCN Việt Nam



Phạm Ngọc Hải
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2452-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.125.673.640.511	1.822.718.740.754
I. Tiền	110	5	24.259.119.937	51.663.776.558
1. Tiền	111		24.259.119.937	51.663.776.558
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.037.305.245.744	1.529.414.056.704
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6	110.349.793.765	129.616.443.765
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(68.044.548.021)	(40.202.387.061)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		995.000.000.000	1.440.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.021.434.277.819	234.723.570.919
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	113.644.755.768	118.435.852.692
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	119.075.795.772	108.213.021.119
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.103.916.805.938	355.643.774.207
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(315.203.079.659)	(347.569.077.099)
IV. Hàng tồn kho	140		720.000	1.440.000
1. Hàng tồn kho	141		720.000	1.440.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		42.674.277.011	6.915.896.573
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	2.151.909.898	6.594.334.515
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		40.522.367.113	321.562.058
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.047.363.777.115	5.076.283.717.204
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		269.478.800	259.638.400
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	269.478.800	259.638.400
II. Tài sản cố định	220		162.667.177.443	128.561.168.843
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	160.280.274.244	126.141.035.510
Nguyên giá	222		208.830.722.150	163.298.332.031
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.550.447.906)	(37.157.296.521)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.386.903.199	2.420.133.333
Nguyên giá	228		24.197.828.000	22.817.112.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.810.924.801)	(20.396.978.667)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	1.567.500.699.881	892.790.999.983
Nguyên giá	231		1.620.880.414.166	915.980.376.607
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(53.379.714.285)	(23.189.376.624)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN (Tiếp theo)	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (Tiếp theo)				
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	691.485.288.071
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	3.285.195.638.664	3.302.094.663.839
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.677.500.000.000	3.121.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		422.316.450.509	122.316.450.509
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		156.753.609.354	158.253.609.354
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(171.374.421.199)	(99.475.396.024)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.730.782.327	61.091.958.068
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	31.730.782.327	61.091.958.068
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		7.173.037.417.626	6.899.002.457.958

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		895.073.256.634	866.301.399.236
I. Nợ ngắn hạn	310		352.493.499.203	101.081.991.496
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		9.885.306.197	2.012.830.383
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.620.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	40.195.274.968	1.907.551.984
4. Phải trả người lao động	314		9.444.258.318	6.154.800.316
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	74.406.728.376	14.063.730.074
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	14.608.771.018	17.304.713.419
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	158.831.384.203	50.423.018.316
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	15.000.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		30.121.776.123	7.595.347.004
II. Nợ dài hạn	330		542.579.757.431	765.219.407.740
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	216.587.430.622	222.222.825.855
2. Phải trả dài hạn khác	337	18	20.742.918.059	12.747.173.135
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	305.000.000.000	530.000.000.000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		249.408.750	249.408.750
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.277.964.160.992	6.032.701.058.722
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	6.277.964.160.992	6.032.701.058.722
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.323.062.514.020	3.323.062.514.020
3. Cổ phiếu quỹ	415		(212.883.100.975)	(162.414.980.975)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		179.211.820.775	179.211.820.775
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		646.154.257.172	350.423.034.902
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		147.878.523.221	131.055.910.233
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		498.275.733.951	219.367.124.669
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		7.173.037.417.626	6.899.002.457.958

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng

Bùi Vạn Thuận
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	160.981.023.719	118.437.495.562
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		160.981.023.719	118.437.495.562
3. Giá vốn hàng bán	11	24	141.786.042.839	98.785.792.630
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		19.194.980.880	19.651.702.932
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	819.917.819.597	489.179.084.374
6. Chi phí tài chính	22	28	148.579.155.322	127.332.206.932
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.575.410.000	41.816.766.505
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	122.962.516.013	137.152.031.704
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		567.571.129.142	244.346.548.670
9. Thu nhập khác	31		2.210.500.003	18.000.000
10. Chi phí khác	32		37.318.182	-
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.173.181.821	18.000.000
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		569.744.310.963	244.364.548.670
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	39.691.688.265	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		530.052.622.698	244.364.548.670

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

	Mã số	2015	2014
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	102.527.962.851	348.029.309.832
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(160.413.947.949)	(268.735.257.406)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(26.366.897.283)	(29.867.117.757)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(45.105.145.556)	(59.675.832.524)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản nợ Nhà nước	05	(13.084.442.355)	(34.033.957.363)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	36.428.813.140	241.607.555.253
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(38.568.024.329)	(40.572.180.990)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(144.581.681.481)	156.752.519.045

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(13.213.417.647)	(95.468.675.873)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(895.000.000.000)	(1.832.542.231.636)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	886.642.098.722	1.602.570.161.735
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(68.500.000.000)	(250.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	203.966.650.000	154.560.010.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	463.302.275.715	547.291.463.594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	577.197.606.790	126.410.727.820

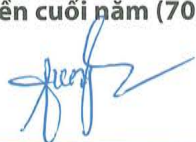
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(50.468.120.000)	(5.186.920.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	360.000.000.000	18.246.867.391
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	33a	360.000.000.000	18.246.867.391
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(570.000.000.000)	(96.432.863.843)
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	34a	(570.000.000.000)	(96.432.863.843)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(199.552.461.930)	(405.494.991.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(460.020.581.930)	(488.867.907.592)

Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) **50** **(27.404.656.621)** **(205.704.660.727)**

Tiền đầu năm **60** **51.663.776.558** **257.368.437.285**

Tiền cuối năm (70=50+60) **70** **24.259.119.937** **51.663.776.558**

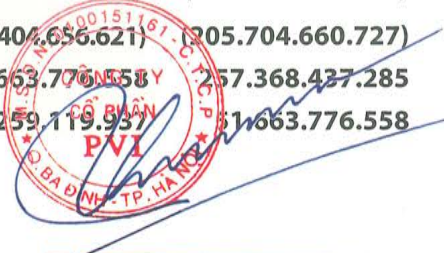


Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 02 năm 2016



Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 10 tháng 8 năm 2007, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PVI được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi, bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 43 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 80 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ tài chính và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Ngày 03 tháng 02 năm 2015, Công ty cùng Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (công ty con của Công ty) đã góp 32.500.000.000 VND, chiếm 65% vốn điều lệ để thành lập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI theo Giấy phép số 55/GP-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 08 tháng 10 năm 2015, Công ty cùng Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (các công ty con của Công ty) đã góp 440.000.000.000 VND để thành lập Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (“POF”) theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 05 năm.

Ngày 12 tháng 11 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Quyết định số 307/QĐ-PVI về việc giảm tỷ lệ nắm giữ vốn tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life xuống còn 25% vốn điều lệ thông qua việc chuyển nhượng một phần vốn góp tương đương 26% vốn điều lệ cho đối tác Sun Life Assurance Company of Canada. Việc chuyển nhượng 26% vốn điều lệ này đã được các bên hoàn tất trong năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM)

Danh sách các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (PVI Sun Life)
- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (PV2)

Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF): POF được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được góp vốn bởi Công ty và các công ty con của Công ty là Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư (không bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết).

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn và phải trả dài hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c. Đầu tư vào công ty con và đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF")

Khoản đầu tư góp vốn vào POF được phản ánh trên cơ sở giá gốc. Thu nhập phát sinh từ khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi từ Ban Đại diện Quỹ vào thời điểm cuối năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư góp vốn vào POF được ghi nhận khi giá trị vốn góp của các bên tại POF lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có (NAV) của POF tại thời điểm cuối năm tài chính.

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 40
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và nhà dự án do Công ty nắm giữ chờ tăng giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 39,5 năm. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa và các khoản chi phí trả trước khác.

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam (được thay thế bằng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013). Theo đó, “Các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)”. Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 VND sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, khoản chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 3 năm. Phần giá trị chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa chưa phân bổ hết tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 được Công ty xác định sẽ phân bổ vào chi phí trong thời gian 2 năm tiếp theo.

Các khoản chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích Quỹ thưởng ban điều hành và các quỹ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

5. TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	417.814.651	258.588.911
Tiền gửi ngân hàng	23.841.305.286	51.405.187.647
	24.259.119.937	51.663.776.558

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh	110.349.793.765	42.305.245.744	129.616.443.765	101.698.406.704
- Tổng giá trị cổ phiếu	110.349.793.765	42.305.245.744	129.616.443.765	101.698.406.704
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.195.000.000.000	1.195.000.000.000	1.440.000.000.000	1.440.000.000.000
b1) Ngắn hạn	995.000.000.000	995.000.000.000	1.440.000.000.000	1.440.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	545.000.000.000	545.000.000.000	840.000.000.000	840.000.000.000
- Các khoản đầu tư khác	450.000.000.000	450.000.000.000	600.000.000.000	600.000.000.000
+ Hợp tác đầu tư bất động sản (ii)	450.000.000.000	450.000.000.000	600.000.000.000	600.000.000.000
b2) Dài hạn	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (i)	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.256.570.059.863	3.311.916.118.739	3.401.570.059.863	3.481.059.517.859
- Đầu tư vào công ty con	2.677.500.000.000	2.843.881.286.193	3.121.000.000.000	3.224.668.088.857
+ Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	2.100.000.000.000	2.211.087.755.377	2.100.000.000.000	2.199.866.994.447
+ Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	460.000.000.000	512.815.500.989	460.000.000.000	505.561.595.687
+ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (iii)	-	-	561.000.000.000	519.239.498.723
+ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	17.500.000.000	18.824.859.271	-	-
+ Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (iv)	100.000.000.000	101.153.170.556	-	-
- Đầu tư vào công ty liên kết	422.316.450.509	285.089.638.666	122.316.450.509	71.627.203.687
+ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (iii)	300.000.000.000	259.912.738.666	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	122.316.450.509	25.176.900.000	122.316.450.509	71.627.203.687
- Đầu tư vào đơn vị khác	156.753.609.354	182.945.193.880	158.253.609.354	184.764.225.315

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(i) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo.

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo.

(ii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản, Công ty góp vốn với đối tác để đầu tư vào các dự án kinh doanh bất động sản, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty nhận thế chấp các tài sản là bất động sản đã được định giá bởi công ty có chức năng định giá. Ban Tổng Giám đốc đã thận trọng đánh giá giá trị của tài sản đảm bảo và tin tưởng rằng giá trị của tài sản đảm bảo chắc chắn lớn hơn giá trị của khoản đầu tư.

(iii) Ngày 12 tháng 11 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Quyết định số 307/QĐ-PVI về việc giảm tỷ lệ nắm giữ vốn tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life ("PVI Sun Life") xuống còn 25% vốn điều lệ thông qua việc chuyển nhượng một phần vốn góp với giá trị 312.000.000.000 VND, tương đương 26% vốn điều lệ cho đối tác SunLife Assurance Company of Canada. Việc chuyển nhượng 26% vốn điều lệ này đã được các bên hoàn tất trong năm 2015 và Công ty đã phân loại lại giá trị còn lại khoản đầu tư vào PVI Sun Life tương ứng với 25% vốn điều lệ sang khoản mục "Đầu tư vào công ty liên kết".

(iv) Phản ánh khoản tiền góp vốn thành lập Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF") theo Thông báo số 215/TB-UBCK ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành. Công ty góp 100.000.000.000 VND, chiếm 22,73% tỷ lệ vốn góp. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại POF là 100% thông qua đầu tư gián tiếp của các công ty con của Công ty vào POF.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Bảo hiểm phi nhân thọ
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	Hà Nội	68,86	73,11	Tái bảo hiểm
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	Hà Nội	35	65	Quản lý quỹ đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (“POF”):

POF được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Tổng số vốn của POF tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 440.000.000.000 VND, được góp bởi các bên như sau:

	Số vốn góp VND	Tỉ lệ góp vốn %
Công ty Cổ phần PVI	100.000.000.000	22,73
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	250.000.000.000	56,82
Tổng Công ty Cổ phần Tài Bảo hiểm PVI	90.000.000.000	20,45
	440.000.000.000	100

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (theo vốn thực góp) %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	Hà Nội	32,1	32,1	Kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	Hồ Chí Minh	25	25	Bảo hiểm nhân thọ

- Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong năm: các công ty con, công ty liên kết của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 hoạt động ổn định theo lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký.

- Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và các công ty con, công ty liên kết trong năm gồm:

+ Công ty mẹ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin (cung cấp phần mềm, cung cấp đường truyền dữ liệu) cho các công ty con;

+ Các công ty con điều chuyển/chia lợi nhuận về Công ty mẹ;

+ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý danh mục đầu tư cho Công ty mẹ và các công ty con khác của Công ty mẹ;

+ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life bán bảo hiểm nhân thọ cho Công ty mẹ và các công ty con khác của Công ty mẹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh có giao dịch tích cực trên thị trường tài chính được xác định theo giá công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Với các khoản chứng khoán kinh doanh không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp gồm: phương pháp so sánh với các chứng khoán kinh doanh tương đồng có giá thị trường và phương pháp giá trị tài sản ròng.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.
- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi ngắn hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ.
- Đối với khoản đầu tư khác không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	113.644.755.768	118.435.852.692
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB)	29.886.973.879	29.886.973.879
- Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	22.877.777.778	22.877.777.778
- Các khoản phải thu khách hàng khác	60.880.004.111	65.671.101.035
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trả trước theo hợp đồng mua căn hộ	97.586.016.147	96.191.095.147
Trả trước khác	21.489.779.625	12.021.925.972
	119.075.795.772	108.213.021.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.103.916.805.938	355.643.774.207
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	47.227.564.446
- Phải thu về chuyển nhượng vốn góp (i)	780.000.000.000	-
- Tạm ứng	546.761.541	691.539.438
- Ký cược, ký quỹ	-	10.000.000
- Phải thu khác (ii)	323.370.044.397	307.714.670.323
b) Dài hạn	269.478.800	259.638.400
- Ký cược, ký quỹ	269.478.800	259.638.400
Cộng	1.104.186.284.738	355.903.412.607

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6, trong năm Công ty đã thực hiện chuyển nhượng một phần vốn góp tương đương 26% vốn điều lệ của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life với giá chuyển nhượng 780 tỷ đồng và chưa thu được tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Số tiền này đã được bên mua thanh toán vào ngày 07 tháng 01 năm 2016.

(ii) Các khoản phải thu khác ngắn hạn chủ yếu bao gồm các hợp đồng hợp tác đầu tư, ủy thác đầu tư đã quá hạn thu hồi theo hợp đồng, được Công ty phân loại lại và chuyển sang theo dõi như khoản phải thu.

10. NỢ XẤU

31/12/2015		31/12/2014	
Giá trị có thể		Giá trị có thể	
Giá gốc	Thu hồi	Giá gốc	Thu hồi
VND	VND	VND	VND

- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;	315.203.079.659	315.203.079.659	-	390.054.818.381	347.569.077.099	42.485.741.282
--	-----------------	-----------------	---	-----------------	-----------------	----------------

- Giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu, cho vay được xác định bằng giá gốc trừ dự phòng đã trích lập.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm..., theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu quá hạn của Công ty thấp do các đối tác của Công ty đều gặp khó khăn về tài chính hoặc trong tình trạng phá sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa. vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	97.624.847.856	10.552.440.384	55.121.043.791	163.298.332.031
Tăng trong năm	18.437.755.813	-	27.094.634.306	45.532.390.119
- Mua sắm mới	18.437.755.813	-	27.094.634.306	45.532.390.119
Tại ngày 31/12/2015	116.062.603.669	10.552.440.384	82.215.678.097	208.830.722.150
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	13.839.605.855	8.377.453.604	14.940.237.062	37.157.296.521
Trích khấu hao trong năm	2.896.728.857	1.431.991.993	7.064.430.535	11.393.151.385
Tại ngày 31/12/2015	16.736.334.712	9.809.445.597	22.004.667.597	48.550.447.906
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	99.326.268.957	742.994.787	60.211.010.500	160.280.274.244
Tại ngày 31/12/2014	83.785.242.001	2.174.986.780	40.180.806.729	126.141.035.510

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty sử dụng Tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 15.837.455.092 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 13.528.178.704 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	22.817.112.000
Tăng trong năm	1.380.716.000
Tại ngày 31/12/2015	24.197.828.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	20.396.978.667
Trích khấu hao trong năm	1.413.946.134
Tại ngày 31/12/2015	21.810.924.801
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	2.386.903.199
Tại ngày 31/12/2014	2.420.133.333

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 19.645.112.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 18.175.112.000 VND).

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	31/12/2014	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	915.980.376.607	285.990.651.321	-	1.201.971.027.928
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	915.980.376.607	285.990.651.321	-	1.201.971.027.928
Giá trị hao mòn lũy kế	23.189.376.624	30.190.337.661	-	53.379.714.285
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	23.189.376.624	30.190.337.661	-	53.379.714.285
Giá trị còn lại	892.790.999.983	255.800.313.660	-	1.148.591.313.643
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	892.790.999.983	255.800.313.660	-	1.148.591.313.643
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	- 418.909.386.238		-	418.909.386.238
- Nhà (ii)	-	418.909.386.238	-	418.909.386.238
Tổn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
- Nhà (ii)	-	-	-	-
Giá trị còn lại	- 418.909.386.238		-	418.909.386.238
- Nhà (ii)	-	418.909.386.238	-	418.909.386.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)

(i) Bất động sản đầu tư dùng để cho thuê thể hiện phần giá trị của tòa nhà PVI tương ứng với phần khối lượng đã hoàn thành và cho thuê được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 39,5 năm. Nguyên giá của tòa nhà này có thể thay đổi sau khi quyết toán giá trị công trình.

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá thể hiện giá trị các căn hộ tại dự án Costa Nha Trang mà Công ty đã nhận chuyển nhượng và bàn giao tài sản từ Công ty Cổ phần TD và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt, tương ứng với giá trị hợp đồng ủy thác kinh doanh vốn có chỉ định mục đích với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt. Đây là các căn hộ nắm giữ với mục đích chờ tăng giá nên Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với các bất động sản đầu tư này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty sử dụng tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	691.485.288.071	691.485.288.071
+ Dự án tòa nhà văn phòng PVI Tower tại Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	-	-	257.816.082.102	257.816.082.102
+ Dự án Costa Nha Trang (i)	-	-	432.372.089.700	432.372.089.700
+ Khác	-	-	1.297.116.269	1.297.116.269
Cộng	-	-	691.485.288.071	691.485.288.071

(i) Xem Thuyết minh số 13.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.151.909.898	6.594.334.515
- Chi phí trang trí nội thất tòa nhà PVI	2.151.909.898	6.594.334.515
b) Dài hạn	31.730.782.327	61.091.958.068
- Chi phí cổ phần hóa	26.723.174.402	53.446.348.803
- Chi phí trả trước dài hạn khác	5.007.607.925	7.645.609.265
	33.882.692.225	67.686.292.583

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong năm			
	31/12/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.338.330.318	1.081.240.862	2.419.571.180	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(262.464.442)	39.691.688.265	-	39.429.223.823
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế, phí phải nộp khác	831.686.108	10.596.236.212	10.661.871.175	766.051.145
Cộng	1.907.551.984	51.372.165.339	13.084.442.355	40.195.274.968

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
MẪU SỐ B09-DN

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Lãi vay dự trả	2.520.000.000	13.049.735.556
- Phải trả xây dựng công trình tòa nhà PVI	64.368.531.150	-
- Khác	7.518.197.226	1.013.994.518
Cộng	74.406.728.376	14.063.730.074

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	520.805.756	2.425.711.146
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	158.310.578.447	47.997.307.170
Cộng	158.831.384.203	50.423.018.316
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	20.742.918.059	12.747.173.135
Cộng	20.742.918.059	12.747.173.135

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
MẪU SỐ B09-DN

31/12/2015		Trong năm		31/12/2014	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-
Vay dài hạn					
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (ii)	-	-	530.000.000.000	530.000.000.000	530.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	305.000.000.000	360.000.000.000	55.000.000.000	-	-
Cộng	320.000.000.000	375.000.000.000	585.000.000.000	530.000.000.000	530.000.000.000

(i) Thể hiện khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") theo Hợp đồng vay dài hạn số 01/2015/VIB-PVI ký ngày 25 tháng 11 năm 2015 với số tiền 360.000.000.000 VND. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Nợ gốc vay sẽ được trả 14 lần theo kỳ hạn 6 tháng/kỳ bắt đầu vào ngày đầu tiên sau 6 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Số tiền phải trả từ kỳ 1 đến kỳ 13 là 25.700.000.000 VND, dư nợ gốc còn lại trả vào kỳ cuối của khoản vay. Lãi suất vay cố định trong 3 tháng đầu kể từ ngày rút vốn đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do VIB công bố cộng biên độ 1,0%/năm, số dư gốc vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 320.000.000.000 VND. Ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 28 tháng 01 năm 2016, Công ty đã thực hiện trả trước nợ gốc vay với số tiền lần lượt là 40.000.000.000 VND và 15.000.000.000 VND, cao hơn số nợ gốc vay phải trả trong năm 2015 theo lịch trả nợ. Do đó, Công ty thực hiện phân loại 15 tỷ đồng sang khoản mục nợ dài hạn trả tương ứng với số nợ gốc vay đã thanh toán vào ngày 28 tháng 01 năm 2016.

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) bao gồm 02 khoản:

a) Ngày 21 tháng 8 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 500.000.000.000 VND. Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay.

Ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty và Eximbank đã ký sửa đổi, bổ sung về việc ân hạn khoản vay, theo đó phần nợ gốc còn lại sẽ được trả đều làm 6 kỳ, mỗi kỳ 72.700.000.000 VND bắt đầu từ ngày 18 tháng 9 năm 2016. Lãi suất vay cố định trong 6 tháng đầu kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2014 là 8,3%/năm, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Công ty đã tất toán khoản vay này vào ngày 27 tháng 11 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

b) Ngày 28 tháng 12 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 127.397.110.500 VND. Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay này.

Ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty và Eximbank đã ký sửa đổi, bổ sung về việc ân hạn khoản vay, theo đó phần nợ gốc còn lại sẽ được trả đều làm 6 kỳ, mỗi kỳ 21.232.851.750 VND bắt đầu từ ngày 18 tháng 9 năm 2016. Lãi suất vay cố định trong 6 tháng đầu kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2014 là 8,3%/năm, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Công ty đã tất toán khoản vay này vào ngày 31 tháng 7 năm 2015.

Khoản vay dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.000.000.000	-
Trong năm thứ hai	51.400.000.000	66.500.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	154.200.000.000	463.500.000.000
Sau 5 năm	99.400.000.000	-
	320.000.000.000	530.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	15.000.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	305.000.000.000	530.000.000.000

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước	14.608.771.018	17.304.713.419
Cộng	14.608.771.018	17.304.713.419
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước	216.587.430.622	222.222.825.855
Cộng	216.587.430.622	222.222.825.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(157.228.060.975)	179.211.820.775	356.470.077.233	6.043.935.021.053
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(5.186.920.000)	-	-	(5.186.920.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	244.364.548.670	244.364.548.670
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(24.997.424.001)	(24.997.424.001)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(225.414.167.000)	(225.414.167.000)
Tại ngày 01/01/2015	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(162.414.980.975)	179.211.820.775	350.423.034.902	6.032.701.058.722
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	530.052.622.698	530.052.622.698
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(34.263.778.128)	(34.263.778.128)
Thay đổi cổ phiếu quỹ (ii)	-	-	(50.468.120.000)	-	-	(50.468.120.000)
Chia cổ tức (iii)	-	-	-	-	(200.057.622.300)	(200.057.622.300)
Tại ngày 31/12/2015	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	646.154.257.172	6.277.964.160.992

(i) Công ty tạm trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2015 với số tiền 31.776.888.747 VND và trích Quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với số tiền 2.486.889.381 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2015.

(ii) Trong năm, Công ty đã thực hiện mua 2.871.900 cổ phiếu quỹ và bán ra 201.000 cổ phiếu quỹ.

(iii) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 9% theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2015 và Thông báo chốt quyền chia cổ tức số 470/TB-PVI ngày 08 tháng 9 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn góp tại ngày 31/12/2015	Tỷ lệ	Vốn góp tại ngày 31/12/2014	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	819.787.400.000	35,00	831.497.400.000	35,50
HDI-Gerling Industrie Versicherung AG (Thuộc tập đoàn Talanx)	745.315.030.000	31,82	745.315.030.000	31,82
Công ty Funderburk Lighthouse Limited	271.178.950.000	11,58	271.178.950.000	11,58
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	145.932.430.000	6,23	145.932.430.000	6,23
Cổ đông khác	360.204.860.000	15,38	348.494.860.000	14,88
	2.342.418.670.000	100	2.342.418.670.000	100

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(200.057.622.300)	(225.414.167.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
MẪU SỐ B09-DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu được mua lại	11.754.600	9.083.700
Cổ phiếu phổ thông	11.754.600	9.083.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	222.487.267	225.158.167
Cổ phiếu phổ thông	222.487.267	225.158.167

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2015	31/12/2014
Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	12.778,49	12.791,60
Euro	EUR	353,30	363,40

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a) Doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu cho thuê văn phòng	124.400.099.841	100.736.477.770
Doanh thu hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin	36.580.923.878	16.146.472.337
Doanh thu các hoạt động khác	-	1.554.545.455
	160.981.023.719	118.437.495.562

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	53.387.734.414	37.149.775.947
- Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	9.432.020.218	9.446.267.928
- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	3.038.055.609	4.592.355.080
- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	1.612.700.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	310.450.908	232.838.181

24. GIÁ VỐN BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cho thuê văn phòng	108.790.002.962	83.358.283.930
Giá vốn hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin	32.996.039.877	15.427.508.700
	141.786.042.839	98.785.792.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	28.233.070.096	40.903.858.483
Chi phí văn phòng	7.596.430.377	10.305.203.060
Chi khấu hao tài sản cố định	7.949.272.258	7.701.025.713
Chi dịch vụ mua ngoài	23.354.381.521	19.333.883.878
Chi đào tạo	154.494.000	298.150.454
Chi các khoản thuế, phí, lệ phí	5.018.341.165	9.167.496.903
Chi giao dịch, hội nghị, quảng cáo	39.702.243.292	48.340.990.566
Chi quản lý khác	10.954.283.304	1.101.422.647
	122.962.516.013	137.152.031.704

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.596.430.377	10.305.203.060
Chi phí nhân công	28.233.070.096	41.900.888.171
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.997.435.180	34.589.737.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.044.565.350	72.129.530.700
Chi phí khác bằng tiền	110.877.057.849	77.012.464.759
	264.748.558.852	235.937.824.334

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	58.964.957.441	56.515.947.291
Lãi đầu tư trái phiếu	-	5.439.760.274
Lãi kinh doanh cổ phiếu	-	13.081.578.960
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	-	20.330.413.314
Cổ tức, lợi nhuận được chia	292.769.666.323	337.766.852.448
Lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần, vốn góp	468.000.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	183.195.833	56.044.532.087
	819.917.819.597	489.179.084.374

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	244.536.590	8.269.910.698
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	79.409.471.266	49.167.595.246
Chi phí lãi vay	34.575.410.000	41.816.766.505
Chi phí tài chính khác	34.349.737.466	28.077.934.483
	148.579.155.322	127.332.206.932

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	569.744.310.963	244.364.548.670
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(296.769.666.323)	(337.766.852.448)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(292.769.666.323)	(337.766.852.448)
- Dự phòng đầu tư tài chính đã loại ở năm trước được trừ ở năm nay	(4.000.000.000)	-
Trừ: Chuyển lỗ các năm trước	(97.763.941.026)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	5.206.061.228	6.465.132.863
- Thù lao Hội đồng Quản trị	96.000.000	76.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	104.333.333	104.333.333
- Chi phí khác không được khấu trừ	5.005.727.895	6.284.799.530
Thu nhập chịu thuế	180.416.764.842	(86.937.170.915)
Thuế suất thông thường	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	39.691.688.265	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trừ tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	320.000.000.000	530.000.000.000
Trừ: Tiền	24.259.119.937	51.663.776.558
Nợ thuần	295.740.880.063	478.336.223.442
Vốn chủ sở hữu	6.277.964.160.992	6.032.701.058.722
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,05	0,08

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền	24.259.119.937	24.259.119.937	51.663.776.558	51.663.776.558
Phải thu khách hàng và phải thu khác	901.811.720.506	901.811.720.506	125.819.010.362	125.819.010.362
Đầu tư ngắn hạn	1.037.305.245.744	1.037.305.245.744	1.529.414.056.704	1.541.698.406.704
Đầu tư dài hạn	322.605.999.998	382.945.193.880	151.227.961.429	184.764.225.315
Tổng cộng	2.285.982.086.185	2.346.321.280.067	1.858.124.805.053	1.903.945.418.939
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	189.459.608.459	189.459.608.459	65.183.021.834	65.183.021.834
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	74.406.728.376	74.406.728.376	14.063.730.074	14.063.730.074
Các khoản vay	320.000.000.000	320.000.000.000	530.000.000.000	530.000.000.000
Tổng cộng	583.866.336.835	583.866.336.835	609.246.751.908	609.246.751.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số 6.
- Giá trị hợp lý của các khoản mục ngắn hạn gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng là khoảng 6,4 tỷ đồng (năm 2014 là khoảng 10,6 tỷ đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu mà Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công ty con không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được nắm giữ trong dài hạn và sẽ chuyển nhượng khi có điều kiện thuận lợi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đánh giá một cách thận trọng như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 10.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có) và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015				
Tiền	24.259.119.937	-	-	24.259.119.937
Phải thu khách hàng và phải thu khác	901.811.720.506	-	-	901.811.720.506
Đầu tư ngắn hạn	1.050.135.440.188	-	-	1.050.135.440.188
Đầu tư dài hạn	-	336.725.444.444	-	336.725.444.444
Tổng cộng	1.976.206.280.631	336.725.444.444	-	2.312.931.725.075
Phải trả người bán và phải trả khác	168.716.690.400	20.742.918.059	-	189.459.608.459
Chi phí phải trả	74.406.728.376	-	-	74.406.728.376
Các khoản vay	35.336.000.000	268.393.920.000	108.268.680.000	411.998.600.000
Tổng cộng	278.459.418.776	289.136.838.059	108.268.680.000	675.864.936.835
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.697.746.861.855	47.588.606.385	(108.268.680.000)	1.637.066.788.240
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014				
Tiền	51.663.776.558	-	-	51.663.776.558
Phải thu khách hàng và phải thu khác	125.819.010.362	-	-	125.819.010.362
Đầu tư ngắn hạn	1.616.678.686.874	-	-	1.616.678.686.874
Đầu tư dài hạn	-	151.227.961.429	-	151.227.961.429
Tổng cộng	1.794.161.473.794	151.227.961.429	-	1.945.389.435.223
Phải trả người bán và phải trả khác	52.435.848.699	12.747.173.135	-	65.183.021.834
Chi phí phải trả	14.063.730.074	-	-	14.063.730.074
Các khoản vay	44.000.000.000	623.482.834.000	-	667.482.834.000
Tổng cộng	110.499.578.773	636.230.007.135	-	746.729.585.908
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.683.661.895.021	(485.002.045.706)	-	1.198.659.849.315

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần PVI.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Theo đó, một số chỉ tiêu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại cho phù hợp với quy định của Thông tư số 200 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

32. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC		
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014
I. Tài sản								
1. Các khoản tương đương tiền	112	100.000.000.000	1. Các khoản tương đương tiền	112	-	1. Các khoản tương đương tiền	112	-
2. Đầu tư ngắn hạn	121	1.601.429.767.583	2. Chứng khoán kinh doanh	121	129.616.443.765	2. Chứng khoán kinh doanh	121	129.616.443.765
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(129.529.969.597)	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(40.202.387.061)	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(40.202.387.061)
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>								
4. Phải thu khách hàng	131	118.435.852.692	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.440.000.000.000	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.440.000.000.000
5. Các khoản phải thu khác	135	53.021.550.150	5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	118.435.852.692	5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	118.435.852.692
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(88.134.133.762)	6. Phải thu ngắn hạn khác	136	355.643.774.207	6. Phải thu ngắn hạn khác	136	355.643.774.207
7. Tài sản ngắn hạn khác	158	701.539.438	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(347.569.077.099)	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(347.569.077.099)
8. Tài sản dài hạn khác	268	259.638.400	8. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	8. Tài sản ngắn hạn khác	155	-
9. Đầu tư dài hạn khác	258	328.360.970.155	9. Phải thu dài hạn khác	216	259.638.400	9. Phải thu dài hạn khác	216	259.638.400
10. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(269.582.756.825)	10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	158.253.609.354	10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	158.253.609.354
II. Nguồn vốn								
1. Phải trả người bán	312	2.012.830.383	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	2.012.830.383	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	2.012.830.383
2. Chi phí phải trả	316	14.063.730.074	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14.063.730.074	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14.063.730.074
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	239.527.539.274	3. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17.304.713.419	3. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17.304.713.419
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	50.423.018.316	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	222.222.825.855	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	222.222.825.855
5. Vay và nợ dài hạn	334	530.000.000.000	5. Phải trả ngắn hạn khác	319	50.423.018.316	5. Phải trả ngắn hạn khác	319	50.423.018.316
6. Vốn điều lệ	411	2.342.418.670.000	6. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	530.000.000.000	6. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	530.000.000.000
			7. Vốn góp của chủ sở hữu	411	2.342.418.670.000	7. Vốn góp của chủ sở hữu	411	2.342.418.670.000



Trần Duy Cường

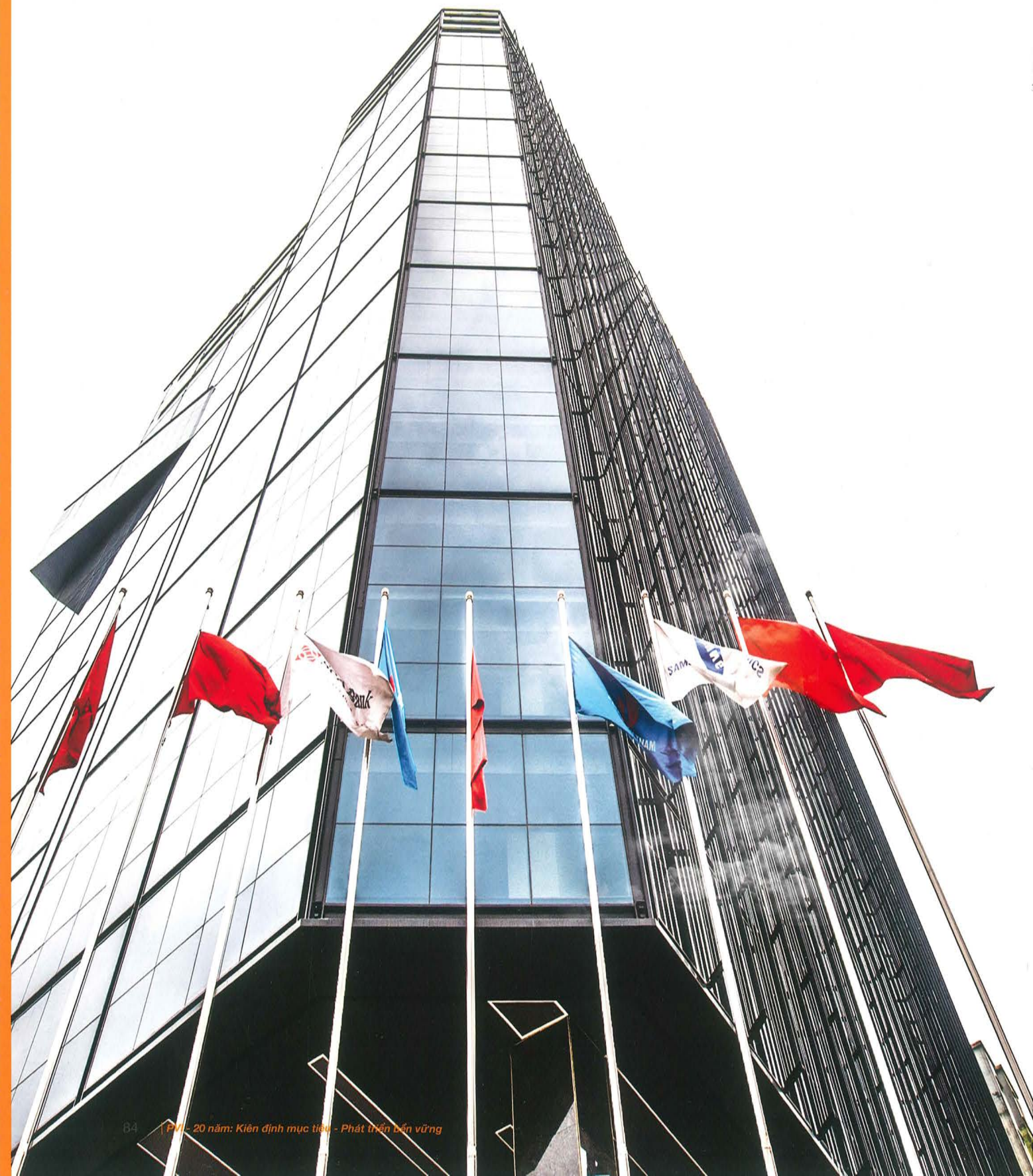
Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên
Ông Ulrich Heinz Wollschlager	Ủy viên
Ông Tung Sing Lau	Ủy viên
Ông Hussain Mohamed Redha Ali	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Số: 316 /VN1A-HN-BC

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần PVI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 16 tháng 02 năm 2016, từ trang 89 đến trang 142, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03 và Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của năm nay.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 02 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Ngọc Hải
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 2452-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.514.972.728.777	14.007.914.799.013
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	758.738.988.078	793.824.511.746
1. Tiền	111		333.738.988.078	713.824.511.746
2. Các khoản tương đương tiền	112		425.000.000.000	80.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	5.833.067.587.118	6.025.249.056.704
1. Chứng khoán kinh doanh	121		158.392.135.139	129.616.443.765
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(68.044.548.021)	(40.202.387.061)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.742.720.000.000	5.935.835.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.723.479.179.426	6.980.826.602.329
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.730.246.042.495	6.809.399.005.259
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	169.838.421.326	160.116.474.490
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.342.028.470.328	561.386.099.813
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(518.633.754.723)	(550.074.977.233)
IV. Hàng tồn kho	140		2.457.894.310	2.111.139.320
1. Hàng tồn kho	141		2.457.894.310	2.111.139.320
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		197.229.079.845	205.903.488.914
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	153.788.546.126	204.062.936.668
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		43.440.533.719	1.840.552.246
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.980.277.086.583	4.322.503.611.894
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.054.676.221	33.367.047.784
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	20.054.676.221	33.367.047.784
II. Tài sản cố định	220		277.385.492.820	299.442.531.345
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	216.364.497.915	216.117.044.728
Nguyên giá	222		328.895.243.730	346.342.799.584
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.530.745.815)	(130.225.754.856)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	61.020.994.905	83.325.486.617
Nguyên giá	228		118.690.662.723	155.273.976.177
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(57.669.667.818)	(71.948.489.560)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	1.567.500.699.881	892.790.999.983
Nguyên giá	231		1.620.880.414.166	915.980.376.607
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(53.379.714.285)	(23.189.376.624)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (Tiếp theo)				
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	-	691.485.288.071
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	691.485.288.071
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1.067.330.493.363	2.298.748.459.472
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		333.172.027.732	73.157.256.108
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		568.700.276.773	575.200.276.773
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(114.541.811.142)	(30.903.677.104)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		280.000.000.000	1.681.294.603.695
VI. Tài sản dài hạn khác	260		48.005.724.298	106.669.285.239
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	48.005.724.298	106.669.285.239
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		15.495.249.815.360	18.330.418.410.907

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.761.286.443.885	11.442.921.663.816
I. Nợ ngắn hạn	310		8.361.496.285.383	10.884.884.414.108
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.513.912.984.878	1.581.334.210.913
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		155.164.227.025	183.855.300.868
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	50.801.301.767	64.174.063.426
4. Phải trả người lao động	314		70.194.346.440	32.444.188.496
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	75.297.993.929	40.983.957.120
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	33.957.998.636	40.417.201.241
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	177.884.825.197	87.334.531.869
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	15.000.000.000	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	6.237.172.055.057	8.845.678.974.232
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		32.110.552.454	8.661.985.943
II. Nợ dài hạn	330		399.790.158.502	558.037.249.708
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	71.722.979.988	13.047.617.929
2. Phải trả dài hạn khác	337	19	20.638.304.676	12.797.924.342
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	305.000.000.000	530.000.000.000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	2.428.873.838	2.191.707.437
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.733.963.371.475	6.887.496.747.091
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	6.733.963.371.475	6.887.496.747.091
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.323.062.514.020	3.323.062.514.020
3. Cổ phiếu quỹ	415		(212.883.100.975)	(162.414.980.975)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		179.211.820.775	179.211.820.775
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		121.923.844.478	107.238.446.440
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		761.177.139.042	401.714.279.684
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		196.735.476.836	173.518.185.379
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		564.441.662.206	228.196.094.305
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		219.052.484.135	696.265.997.147
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		15.495.249.815.360	18.330.418.410.907



Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 02 năm 2016



Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	8.739.824.385.238	7.312.519.573.195
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	4.192.445.302.952	4.046.128.204.562
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		4.547.379.082.286	3.266.391.368.633
4. Giá vốn hàng bán	11	28	3.922.413.638.461	2.746.213.690.399
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		624.965.443.825	520.177.678.234
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	1.180.985.537.839	699.689.502.934
7. Chi phí tài chính	22	32	361.684.232.763	183.074.367.529
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.575.410.000	41.930.299.838
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24		152.774.163	(8.374.141.764)
9. Chi phí bán hàng	25		69.833.182.184	52.527.916.692
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	665.409.757.330	619.413.279.812
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		709.176.583.550	356.477.475.371
12. Thu nhập khác	31		2.945.472.613	18.098.439.478
13. Chi phí khác	32		3.665.608.674	13.430.349.648
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(720.136.061)	4.668.089.830
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		708.456.447.489	361.145.565.201
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	132.202.211.318	115.436.239.789
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		576.254.236.171	245.709.325.412
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		600.520.069.955	278.751.325.106
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(24.265.833.784)	(33.041.999.694)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34		1.109



Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 02 năm 2016



Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	8.893.749.146.786	6.446.697.371.696
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(6.914.800.156.509)	(4.984.517.670.970)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(431.763.988.446)	(457.950.350.099)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(45.105.145.556)	(59.675.832.524)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản nợ Nhà nước	05	(595.856.602.453)	(600.434.305.075)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	894.365.613.521	958.946.909.609
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.093.578.437.454)	(1.074.416.361.787)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	707.010.429.889	228.649.760.850
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(47.569.850.460)	(178.256.882.823)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	361.910.111
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.043.265.829.735)	(9.807.522.317.766)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.994.753.519.149	7.498.914.703.959
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	203.966.650.000	154.560.010.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	575.745.405.793	727.897.199.644
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(316.370.105.253)	(1.604.045.376.875)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	66.500.000.000	-
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(54.938.880.000)	(5.186.920.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	365.000.000.000	273.696.867.391
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	33a	365.000.000.000	273.696.867.391
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(575.000.000.000)	(351.882.863.843)
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	34a	(575.000.000.000)	(351.882.863.843)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(227.286.968.304)	(419.485.831.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(425.725.848.304)	(502.858.747.592)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(35.085.523.668)	(1.878.254.363.617)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	793.824.511.746	2.672.078.875.363
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	758.738.988.078	793.824.511.746


Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu
 Ngày 16 tháng 02 năm 2016


Trần Duy Cường
Kế toán trưởng


Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 10 tháng 8 năm 2007, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PVI được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.201 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.290 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ tài chính và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con như sau:

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Kinh doanh bảo hiểm và tái bảo hiểm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 03 tháng 02 năm 2015, Công ty cùng Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (công ty con của Công ty) đã góp 32.500.000.000 VND, chiếm 65% vốn điều lệ để thành lập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI theo Giấy phép số 55/GP-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 08 tháng 10 năm 2015, Công ty cùng Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (các công ty con của Công ty) đã góp 440.000.000.000 VND để thành lập Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (“POF”) theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 05 năm.

Ngày 12 tháng 11 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Quyết định số 307/QĐ-PVI về việc giảm tỷ lệ nắm giữ vốn tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life xuống còn 25% vốn điều lệ thông qua việc chuyển nhượng một phần vốn góp tương đương 26% vốn điều lệ cho đối tác Sun Life Assurance Company of Canada. Việc chuyển nhượng 26% vốn điều lệ này đã được các bên hoàn tất trong năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM)

Danh sách các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (PVI Sun Life)
- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2

Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF): POF được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được góp vốn bởi Công ty và các công ty con của Công ty là Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN MỚI

Ngày 17 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 194/2014/TT-BTC (“Thông tư 194”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Thông tư 194 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015 và áp dụng cho năm tài chính 2015 trở đi.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng các Thông tư nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty, báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát và Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (“POF”) (gọi chung là các “công ty con”) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (“PVI Sun Life”) được hợp nhất đến thời điểm Công ty Cổ phần PVI hoàn thành thoái một phần vốn đầu tư tại PVI Sun Life để chuyển PVI Sun Life từ công ty con sang công ty liên kết và hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư (không bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết).

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, dự phòng bồi thường, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 40
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”) và quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không khấu hao theo quy định hiện hành.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và nhà dự án do Công ty nắm giữ chờ tăng giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 39,5 năm. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa và các khoản chi phí trả trước khác.

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam (được thay thế bằng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013). Theo đó, “Các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)”. Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 VND sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước (Tiếp theo)

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa (Tiếp theo)

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, khoản chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 3 năm. Phần giá trị chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa chưa phân bổ hết tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 được Công ty xác định sẽ phân bổ vào chi phí trong thời gian 2 năm tiếp theo.

Các khoản chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích Quỹ thưởng ban điều hành và các quỹ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ và Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, theo đó:

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí:

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty thực hiện thay đổi phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhượng tái bảo hiểm tương ứng đối với nghiệp vụ bảo hiểm năng lượng. Việc thay đổi này đã được phê duyệt bởi Bộ Tài chính theo Công văn số 1861/BTC-QLBH ngày 05 tháng 02 năm 2015. Theo đó, việc trích lập dự phòng phí của Công ty áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi được thực hiện như sau:

+ Đối với nghiệp vụ bảo hiểm năng lượng: Dự phòng phí trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày) theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012. Cụ thể:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Dự phòng phí bảo} & & \text{Phí bảo hiểm gốc/} & & \text{Tổng phí bảo} & & \text{Số ngày được hưởng} \\ \text{hiểm gốc/ nhận/} & = & \text{nhận/ nhượng tái ghi} & - & \text{hiểm gốc/} & \times & \text{Tổng số ngày được} \\ \text{nhượng tái} & & \text{nhận lũy kể đến thời} & & \text{nhận/ nhượng} & & \text{bảo hiểm} \\ & & \text{điểm cuối kỳ} & & \text{tái của đơn} & & \\ & & & & & & \end{array}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ (Tiếp theo)

Dự phòng phí (Tiếp theo):

Nếu việc trích lập dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhượng tái bảo hiểm tương ứng đối với nghiệp vụ bảo hiểm năng lượng vẫn được thực hiện theo phương pháp đã áp dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 thì dự phòng phí bảo hiểm thuần của phí gốc và nhượng tái bảo hiểm tương ứng của nghiệp vụ bảo hiểm năng lượng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng khoảng 130 tỷ đồng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thận trọng xem xét và đánh giá ảnh hưởng của việc thay đổi phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đối với nghiệp vụ bảo hiểm năng lượng so với phương pháp áp dụng cho từ năm 2014 trở về trước và tin tưởng rằng việc thay đổi này sẽ phản ánh chính xác hơn dự phòng phí bảo hiểm đối với nghiệp vụ bảo hiểm năng lượng của Công ty.

+ *Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác:* Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính trên phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm và được trích lập theo phương pháp 1/24. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính trên phí nhượng tái bảo hiểm và được trích lập theo phương pháp 1/24.

Riêng đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không tại Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (công ty con của Công ty), dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo tỷ lệ 25%.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, bao gồm cả nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo. Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo từ khách hàng, dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên thống kê dữ liệu quá khứ.

Dự phòng dao động lớn: Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định nêu trên của Bộ Tài chính, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm.

Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm (trên báo cáo hợp nhất này được theo dõi trên khoản mục "Phải thu khách hàng").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ

Dự phòng toán học: Dự phòng toán học được xác định theo phương pháp phí bảo hiểm thuần hoặc phí bảo hiểm toàn phần được xác định riêng cho từng loại sản phẩm bảo hiểm và được dựa trên cơ sở các giả định, phương pháp đã được Công ty đăng ký và phê duyệt bởi Bộ Tài chính.

Dự phòng phí chưa được hưởng: Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập đối với doanh thu phí bảo hiểm cho giai đoạn sau ngày kết thúc kỳ kế toán đã được ghi nhận trong kỳ. Dự phòng phí chưa được hưởng được Công ty trích lập đối với tất cả các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dưới 01 năm.

Dự phòng bồi thường: Dự phòng bồi thường được trích lập theo phương pháp tổng hợp các khiếu nại hoặc tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng kỳ là một (01) phần trăm từ lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, được trích lập hàng kỳ cho đến khi khoản dự phòng này bằng năm (05) phần trăm phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của doanh nghiệp.

Dự phòng kỹ thuật đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung và bảo hiểm hưu trí tự nguyện:

- Dự phòng rủi ro bảo hiểm được trích lập là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng bảo hiểm.
- Dự phòng bồi thường được trích lập cho từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa được giải quyết.
- Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung là giá trị hoàn lại của hợp đồng trong quỹ liên kết chung. Giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung phải bảo đảm các cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
- Dự phòng bảo đảm khả năng thanh toán bổ sung được dùng để bảo đảm cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi thị trường đầu tư có biến động lớn.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc phi nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 194/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 125/2012/TT-BTC nêu trên. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm; (2) hợp đồng bảo hiểm đã có hiệu lực và (3) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc trong thời gian cho nợ phí theo quy định (tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực). Việc ghi nhận này cũng được áp dụng cho ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm của kỳ đóng phí đầu tiên đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, các kỳ tiếp theo chỉ ghi nhận doanh thu khi khách hàng đã đóng đủ phí theo thỏa thuận Hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ bao gồm phí bảo hiểm đóng một lần và phí bảo hiểm đóng định kỳ được ghi nhận trên cơ sở phát sinh, phí bảo hiểm chưa thu được ghi nhận là doanh thu trong giai đoạn nợ phí cho phép theo hợp đồng hoặc khi được bảo đảm bằng giá trị giải ước của hợp đồng. Các khoản phí bảo hiểm chưa đến hạn nhưng lại được thu trước ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận như “Phí bảo hiểm ứng trước” và được bao gồm trong chỉ tiêu “Các khoản phải trả, phải nộp khác” trên Bảng cân đối kế toán.

Tổng phí thu được từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận là doanh thu. Giá trị quỹ liên kết chung của bên mua bảo hiểm được tính toán bởi chuyên gia tính toán và được ghi nhận tại chỉ tiêu “Dự phòng nghiệp vụ” trên Bảng cân đối kế toán. Phí bảo hiểm từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận riêng biệt cho doanh thu của Quỹ đầu tư bảo hiểm liên kết chung (cho mục đích đầu tư) và Quỹ bảo hiểm liên kết chung chính (cho mục đích bảo hiểm).

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty. Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

Trong năm, hoa hồng và các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí tương ứng.

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường. Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với phí bảo hiểm gốc và phí bảo hiểm nhận tái phát sinh trong năm. Trong năm, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”.

Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm nay tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí tương ứng.

Chi giải quyết quyền lợi bảo hiểm nhân thọ bao gồm chi đáo hạn hợp đồng, chi giải ước hợp đồng trước hạn, và chi trả tiền bồi thường bảo hiểm. Các khoản chi phí này được ghi nhận trên cơ sở các hồ sơ giải quyết quyền lợi bảo hiểm được phê duyệt bởi Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Tiếp theo)

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế của các công ty bảo hiểm với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của các công ty này. Quỹ dự trữ bắt buộc được phản ánh vào khoản mục "Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.701.011.844	2.198.521.313
Tiền gửi ngân hàng	331.991.976.234	711.585.990.433
Tiền đang chuyển	46.000.000	40.000.000
Các khoản tương đương tiền (i)	425.000.000.000	80.000.000.000
	758.738.988.078	793.824.511.746

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh	158.392.135.139	90.925.209.744	129.616.443.765	101.698.406.704
- Tổng giá trị cổ phiếu	158.392.135.139	90.925.209.744	129.616.443.765	101.698.406.704
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.022.720.000.000	6.022.720.000.000	7.617.129.603.695	7.617.129.603.695
b1) Ngắn hạn	5.742.720.000.000	5.742.720.000.000	5.935.835.000.000	5.935.835.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	5.292.720.000.000	5.292.720.000.000	5.335.835.000.000	5.335.835.000.000
- Các khoản đầu tư khác	450.000.000.000	450.000.000.000	600.000.000.000	600.000.000.000
+ Hợp tác đầu tư bất động sản (ii)	450.000.000.000	450.000.000.000	600.000.000.000	600.000.000.000
b2) Dài hạn	280.000.000.000	280.000.000.000	1.681.294.603.695	1.681.294.603.695
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (i)	270.000.000.000	270.000.000.000	841.600.000.000	841.600.000.000
- Trái phiếu (iii)	10.000.000.000	10.000.000.000	839.694.603.695	839.694.603.695
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	901.872.304.505	844.407.857.923	648.357.532.881	653.262.919.924
- Đầu tư vào công ty liên kết	333.172.027.732	333.172.027.732	73.157.256.108	73.157.256.108
+ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (iv)	259.912.738.666	259.912.738.666	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	73.259.289.066	73.259.289.066	73.157.256.108	73.157.256.108
- Đầu tư vào đơn vị khác (v)	568.700.276.773	511.235.830.191	575.200.276.773	580.105.663.816

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(i) Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo (ghi nhận là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn) và có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo (ghi nhận là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn) tại các tổ chức tín dụng trong nước.

(ii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản, Công ty góp vốn với đối tác để đầu tư vào các dự án kinh doanh bất động sản, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty nhận thế chấp các tài sản là bất động sản đã được định giá bởi công ty có chức năng định giá. Ban Tổng Giám đốc đã thận trọng đánh giá giá trị của tài sản đảm bảo và tin tưởng rằng giá trị của tài sản đảm bảo chắc chắn lớn hơn giá trị của khoản đầu tư.

(iii) Thể hiện khoản đầu tư vào trái phiếu Kho bạc Nhà nước với giá gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 10.000.000.000 đồng, ngày đáo hạn là 27 tháng 02 năm 2019 với lãi suất là 9,4%/năm.

(iv) Ngày 12 tháng 11 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Quyết định số 307/QĐ-PVI về việc giảm tỷ lệ nắm giữ vốn tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (“PVI Sun Life”) xuống còn 25% vốn điều lệ thông qua việc chuyển nhượng một phần vốn góp với giá trị 312.000.000.000 đồng, tương đương 26% vốn điều lệ cho đối tác SunLife Assurance Company of Canada. Việc chuyển nhượng 26% vốn điều lệ này đã được các bên hoàn tất trong năm 2015 và Công ty đã phân loại lại giá trị còn lại khoản đầu tư vào PVI Sun Life tương ứng với 25% vốn điều lệ sang khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết”.

(v) Thể hiện khoản góp vốn vào các công ty với thời hạn nắm giữ trên 1 năm.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Bảo hiểm phi nhân thọ
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	Hà Nội	68,86	73,11	Tái bảo hiểm
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	Hà Nội	35	65	Quản lý quỹ đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (“POF”):

POF được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Tổng số vốn của POF tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 440.000.000.000 đồng, được góp bởi các bên như sau:

	Số vốn góp VND	Tỷ lệ góp vốn %
Công ty Cổ phần PVI	100.000.000.000	22,73
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	250.000.000.000	56,82
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	90.000.000.000	20,45
	440.000.000.000	100

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (theo vốn thực góp) (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	Tp. Hà Nội	32,1	32,1	Kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sunlife	Tp. Hồ Chí Minh	25	25	Bảo hiểm nhân thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau: *(tiếp theo)*

Thông tin tài chính tóm tắt về đầu tư vào các công ty liên kết của Công ty như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	73.157.256.108	199.045.745.661
Biến động đầu tư vào các công ty liên kết trong năm	-	(104.676.596.676)
Phần lãi/(lỗ) từ đầu tư vào công ty liên kết	152.774.163	(8.374.141.764)
Tăng khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm	259.912.738.666	
Ảnh hưởng từ việc thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	-	(12.837.751.113)
Khác	(50.741.205)	-
Số dư cuối năm	333.172.027.732	73.157.256.108

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh có giao dịch tích cực trên thị trường tài chính được xác định theo giá công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Với các khoản chứng khoán kinh doanh không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp gồm: phương pháp so sánh với các chứng khoán kinh doanh tương đồng có giá thị trường và phương pháp giá trị tài sản ròng.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.
- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi ngắn hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ.
- Đối với khoản đầu tư khác không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu về hoạt động bảo hiểm gốc	291.093.753.940	492.845.747.662
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	128.548.121.855	178.524.969.146
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	493.060.695.942	398.642.228.591
Phải thu liên quan đến tài sản tái bảo hiểm	3.535.354.539.837	5.324.016.641.804
Phải thu về hoạt động tài chính	263.550.855.917	406.733.863.462
Phải thu về hoạt động kinh doanh phi bảo hiểm	18.638.075.004	1.848.909.840
Các khoản phải thu khác của khách hàng	-	6.786.644.754
	4.730.246.042.495	6.809.399.005.259

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	172.995.917
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	58.140.350.626	60.386.167.246

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trả trước theo hợp đồng mua căn hộ	97.586.016.147	96.191.095.147
Trả trước khác	72.252.405.179	63.925.379.343
	169.838.421.326	160.116.474.490

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.342.028.470.328	561.386.099.813
- Tạm ứng cho người lao động	30.447.062.132	30.480.564.806
- Ký cược, ký quỹ	1.738.387.346	1.870.119.012
- Phải thu về chuyển nhượng vốn góp (i)	780.000.000.000	-
- Phải thu khác (ii)	529.843.020.850	529.035.415.995
b) Dài hạn	20.054.676.221	33.367.047.784
- Ký cược, ký quỹ	20.054.676.221	33.367.047.784

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6, trong năm Công ty đã thực hiện chuyển nhượng một phần vốn góp tương đương 26% vốn điều lệ của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life với giá chuyển nhượng 780 tỷ đồng và chưa thu được tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Số tiền này đã được bên mua thanh toán vào ngày 07 tháng 01 năm 2016.

(ii) Các khoản phải thu khác ngắn hạn chủ yếu bao gồm các hợp đồng hợp tác đầu tư, ủy thác đầu tư, trái phiếu doanh nghiệp đã quá hạn thu hồi theo hợp đồng được Công ty phân loại lại và chuyển sang theo dõi như khoản phải thu.

10. NỢ XẤU

31/12/2015

31/12/2014

Giá trị có thể

Giá trị có thể

Giá gốc	Thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Thu hồi	Dự phòng
VND	VND	VND	VND	VND	VND

- Tổng giá trị các khoản phải thu.
cho vay quá hạn thanh toán hoặc
chưa quá hạn nhưng khó có khả
năng thu hồi

719.988.518.302 201.354.763.579 (518.633.754.723) 788.984.906.694 238.909.929.461 (550.074.977.233)

- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,...theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.

- Một số khoản nợ xấu của Công ty có khả năng thu hồi các thấp do đối tác của Công ty đều gặp khó khăn về tài chính hoặc trong tình trạng phá sản.

- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	112.418.984.213	63.917.435.263	170.006.380.108	346.342.799.584
Tăng trong năm	18.437.755.813	8.475.155.454	47.602.609.295	74.515.520.562
Thanh lý trong năm	-	(2.397.157.938)	(955.211.742)	(3.352.369.680)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	-	(6.025.780.000)	(82.018.889.529)	(88.044.669.529)
Giảm trong năm	-	-	(566.037.207)	(566.037.207)
Tại ngày 31/12/2015	130.856.740.026	63.969.652.779	134.068.850.925	328.895.243.730
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	18.074.605.929	39.984.717.717	72.166.431.210	130.225.754.856
Trích khấu hao	3.464.158.935	7.422.121.550	38.447.887.266	49.334.167.751
Tăng khác	-	-	41.814.275	41.814.275
Thanh lý trong năm	-	(1.508.067.039)	(930.332.991)	(2.438.400.030)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	-	(2.377.017.474)	(61.589.691.496)	(63.966.708.970)
Giảm trong năm	-	-	(665.882.067)	(665.882.067)
Tại ngày 31/12/2015	21.538.764.864	43.521.754.754	47.470.226.197	112.530.745.815
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	109.317.975.162	20.447.898.025	86.598.624.728	216.364.497.915
Tại ngày 31/12/2014	94.344.378.284	23.932.717.546	97.839.948.898	216.117.044.728

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty sử dụng bất động sản là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 48.937.265.300 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 49.486.337.216 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	127.692.110.837	27.581.865.340	155.273.976.177
Tăng trong năm	27.316.976.000	-	27.316.976.000
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(63.900.289.454)	-	(63.900.289.454)
Tại ngày 31/12/2015	91.108.797.383	27.581.865.340	118.690.662.723
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	71.948.489.560	-	71.948.489.560
Trích khấu hao trong năm	34.882.042.529	639.845.139	35.521.887.668
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(49.800.709.410)	-	(49.800.709.410)
Tại ngày 31/12/2015	57.029.822.679	639.845.139	57.669.667.818
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	34.078.974.704	26.942.020.201	61.020.994.905
Tại ngày 31/12/2014	55.743.621.277	27.581.865.340	83.325.486.617

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 37.600.481.382 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 25.693.481.382 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	31/12/2014	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	915.980.376.607	285.990.651.321	-	1.201.971.027.928
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	915.980.376.607	285.990.651.321	-	1.201.971.027.928
Giá trị hao mòn lũy kế	23.189.376.624	30.190.337.661	-	53.379.714.285
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	23.189.376.624	30.190.337.661	-	53.379.714.285
Giá trị còn lại	892.790.999.983	255.800.313.660	-	1.148.591.313.643
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	892.790.999.983	255.800.313.660	-	1.148.591.313.643
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	-	418.909.386.238	-	418.909.386.238
- Nhà (ii)	-	418.909.386.238	-	418.909.386.238
Tổn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
- Nhà (ii)	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	418.909.386.238	-	418.909.386.238
- Nhà (ii)	-	418.909.386.238	-	418.909.386.238

(i) Bất động sản đầu tư dùng để cho thuê thể hiện phần giá trị của Tòa nhà PVI tương ứng với phần khối lượng đã hoàn thành và cho thuê được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 39,5 năm. Nguyên giá của tòa nhà này có thể thay đổi sau khi quyết toán giá trị công trình.

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá thể hiện giá trị các căn hộ tại dự án Costa Nha Trang mà Công ty đã nhận chuyển nhượng và bàn giao tài sản từ Công ty Cổ phần TD và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt, tương ứng với giá trị hợp đồng ủy thác kinh doanh vốn có chỉ định mục đích với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt. Đây là các căn hộ nắm giữ với mục đích chờ tăng giá nên Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với các bất động sản đầu tư này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty sử dụng bất động sản là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	691.485.288.071	691.485.288.071
+ Dự án tòa nhà văn phòng PVI Tower tại Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	-	-	257.816.082.102	257.816.082.102
+ Dự án Costa Nha Trang (i)	-	-	432.372.089.700	432.372.089.700
+ Khác	-	-	1.297.116.269	1.297.116.269
	-	-	691.485.288.071	691.485.288.071

(i) Xem Thuyết minh số 13.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn	153.788.546.126	204.062.936.668
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	137.576.250.842	162.231.290.833
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	16.212.295.284	41.831.645.835
b) Dài hạn	48.005.724.298	106.669.285.239
- Chi phí cổ phần hóa	26.723.174.402	53.446.348.803
- Chi phí trả trước dài hạn khác	21.282.549.896	53.222.936.436
	201.794.270.424	310.732.221.907

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

a) Các khoản phải trả người bán

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	332.327.121.645	198.718.886.975
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	233.700.910.732	130.963.620.497
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	903.929.115.396	1.106.896.536.914
Các khoản phải trả khác cho người bán	43.955.837.105	144.755.166.527
	1.513.912.984.878	1.581.334.210.913

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.721.959	34.104.018
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	70.689.211.257	2.728.368.107

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong năm			
	31/12/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	20.164.459.954	401.835.734.968	416.242.817.410	5.757.377.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.164.210.686	132.202.211.318	131.538.839.423	35.827.582.581
Thuế môn bài	-	55.000.000	55.000.000	-
Thuế, phí phải nộp khác	8.845.392.786	48.390.894.508	48.019.945.620	9.216.341.674
	64.174.063.426	582.483.840.794	595.856.602.453	50.801.301.767

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ngắn hạn		
Lãi vay dự trả	2.520.000.000	13.049.735.556
Phải trả xây dựng tòa nhà PVI	64.368.531.150	-
Khác	8.409.462.779	27.934.221.564
	75.297.993.929	40.983.957.120

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	2.132.620.439	6.480.192.575
- Bảo hiểm xã hội	(4.131.676)	(384.724.487)
- Bảo hiểm y tế	4.453.555	2.479.402
- Bảo hiểm thất nghiệp	42.635.812	5.546.878
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(111.659.610)	1.264.587.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	175.820.906.677	79.966.450.001
	177.884.825.197	87.334.531.869
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	20.638.304.676	12.797.924.342
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.638.304.676	12.797.924.342

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

a) Ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ		
- Dự phòng phí	2.964.155.465.687	3.115.100.056.079
- Dự phòng bồi thường	3.148.478.796.871	4.447.506.769.257
- Dự phòng dao động lớn	124.537.792.499	123.066.404.144
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ		
- Dự phòng toán học	-	14.108.567.536
- Dự phòng kỹ thuật cho sản phẩm bảo hiểm liên kết	-	974.216.436.675
- Dự phòng kỹ thuật cho sản phẩm hưu trí	-	171.183.569.517
- Dự phòng bảo đảm cân đối	-	497.171.024
	6.237.172.055.057	8.845.678.974.232

b) Dài hạn

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Dự phòng phải trả dài hạn khác	2.428.873.838	2.191.707.437
	2.428.873.838	2.191.707.437

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

31/12/2015		Trong năm		31/12/2014
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Vay dài hạn				
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (ii)	-	-	530.000.000.000	530.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	305.000.000.000	360.000.000.000	55.000.000.000	-
320.000.000.000	320.000.000.000	375.000.000.000	585.000.000.000	530.000.000.000

(i) Thể hiện khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") theo Hợp đồng vay dài hạn số 01/2015/VIB-PVI ký ngày 25 tháng 11 năm 2015 với số tiền 360.000.000.000 đồng. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Nợ gốc vay sẽ được trả 14 lần theo kỳ hạn 6 tháng/kỳ bắt đầu vào ngày đầu tiên sau 6 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Số tiền phải trả kỳ 1 đến kỳ 13 là 25.700.000.000 đồng, dư nợ gốc còn lại trả vào kỳ cuối của khoản vay. Lãi suất vay cố định trong 3 tháng đầu kể từ ngày rút vốn đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do VIB công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Số dư gốc vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 320.000.000.000 đồng. Ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 28 tháng 01 năm 2016, Công ty đã thực hiện trả trước nợ gốc vay với số tiền lần lượt là 40.000.000.000 đồng và 15.000.000.000 đồng, cao hơn số nợ gốc vay phải trả trong năm 2015 theo lịch trả nợ. Do đó, Công ty thực hiện phân loại 15 tỷ đồng sang khoản mục nợ dài hạn đến hạn trả tương ứng với số nợ gốc vay đã thanh toán vào ngày 28 tháng 01 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) bao gồm 02 khoản:

a) Ngày 21 tháng 8 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 500.000.000.000 đồng. Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay này.

Ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty và Eximbank đã ký sửa đổi, bổ sung về việc ân hạn khoản vay, theo đó phần nợ gốc còn lại sẽ được trả đều làm 6 kỳ, mỗi kỳ 72.700.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 18 tháng 9 năm 2016. Lãi suất vay cố định trong 6 tháng đầu kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2014 là 8,3%/năm, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Công ty đã tắt toán khoản vay này vào ngày 27 tháng 11 năm 2015.

b) Ngày 28 tháng 12 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 127.397.110.500 đồng. Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay này.

Ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty và Eximbank đã ký sửa đổi, bổ sung về việc ân hạn khoản vay, theo đó phần nợ gốc còn lại sẽ được trả đều làm 6 kỳ, mỗi kỳ 21.232.851.750 đồng bắt đầu từ ngày 18 tháng 9 năm 2016. Lãi suất vay cố định trong 6 tháng đầu kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2014 là 8,3%/năm, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Công ty đã tắt toán khoản vay này vào ngày 31 tháng 7 năm 2015.

Khoản vay dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.000.000.000	-
Trong năm thứ hai	51.400.000.000	66.500.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	154.200.000.000	463.500.000.000
Sau 5 năm	99.400.000.000	-
	320.000.000.000	530.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	15.000.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	305.000.000.000	530.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước	33.957.998.636	40.417.201.241
	33.957.998.636	40.417.201.241
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước	71.722.979.988	13.047.617.929
	71.722.979.988	13.047.617.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(157.228.060.975)	179.211.820.775	88.301.438.400	398.932.352.379	6.174.698.734.599							
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(5.186.920.000)	-	-	-	(5.186.920.000)							
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	245.709.325.412	245.709.325.412							
Phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	33.041.999.694	33.041.999.694							
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	-	18.937.008.040	18.937.008.040							
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(26.245.256.001)	(26.245.256.001)							
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(225.414.167.000)	(225.414.167.000)							
Khác	-	-	-	-	-	(5.372.966.760)	(5.372.966.760)							
Tại ngày 01/01/2015	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(162.414.980.975)	179.211.820.775	107.238.446.440	401.714.279.684	6.191.230.749.944							
Thay đổi cổ phiếu quỹ trong năm (i)	-	-	(50.468.120.000)	-	-	-	(50.468.120.000)							
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	576.254.236.171	576.254.236.171							
Phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	24.265.833.784	24.265.833.784							
Trích Quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	-	14.685.398.038	14.685.398.038							
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	(34.263.778.128)	(34.263.778.128)							
Chia cổ tức (iii)	-	-	-	-	-	(200.057.622.300)	(200.057.622.300)							
Thay đổi do thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-	13.128.814.082	13.128.814.082							
Khác	-	-	-	-	-	(5.179.226.213)	(5.179.226.213)							
Tại ngày 31/12/2015	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	121.923.844.478	761.177.139.042	6.514.910.887.340							

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(i) Trong năm, Công ty thực hiện mua 2.871.900 cổ phiếu quỹ và bán ra 201.000 cổ phiếu quỹ.

(ii) Công ty tạm trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty Cổ phần PVI cho năm 2015 với số tiền 31.776.888.747 đồng và trích quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với số tiền 2.486.889.381 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2015.

(iii) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 9% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2015 và Thông báo chốt quyền chia cổ tức số 470/TB-PVI ngày 08 tháng 9 năm 2015.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn góp tại ngày 31/12/2015	Tỷ lệ	Vốn góp tại ngày 31/12/2014	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	819.787.400.000	35,00	831.497.400.000	35,50
HDI-Gerling Industrie Versicherung AG (Thuộc tập đoàn Talanx)	745.315.030.000	31,82	745.315.030.000	31,82
Công ty Funderburk Lighthouse Limited	271.178.950.000	11,58	271.178.950.000	11,58
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	145.932.430.000	6,23	145.932.430.000	6,22
Cổ đông khác	360.204.860.000	15,37	348.494.860.000	14,88
	2.342.418.670.000	100	2.342.418.670.000	100

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(200.057.622.300)	(225.414.167.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu được mua lại	11.754.600	9.083.700
Cổ phiếu phổ thông	11.754.600	9.083.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	222.487.267	225.158.167
Cổ phiếu phổ thông	222.487.267	225.158.167

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2015	31/12/2014
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	1.751.605.945.230	1.782.757.796.994
2. Phải thu đòi người thứ ba	VND	41.167.292.223	45.523.584.792
3. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	12.355.905.191	12.355.905.192
4. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	9.897452,58	21.598.605,77
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	1.173.949,81	43.657,76
Yên Nhật	JPY	605.856,00	33.102.699,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động: bộ phận hoạt động đầu tư, bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ, bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm phi nhân thọ và bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận hoạt động đầu tư: chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu, cổ phiếu, ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư;

Bộ phận kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ: khai thác các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ;

Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm: hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm;

Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ: khai thác các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ.

Công ty trình bày báo cáo kết quả kinh doanh của bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đến thời điểm Công ty thoái một phần vốn khỏi PVI Sun Life để chuyển thành công ty liên kết. Bảng cân đối kế toán của bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 không được trình bày do PVI Sun Life không còn là công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Bảo hiểm					Loại trừ	Tổng cộng
	Bảo hiểm Phi Nhân thọ		Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ		Bộ phận hoạt động đầu tư		
	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ				
Tài sản bộ phận	899.193.056.823	6.065.058.901.580	-	13.412.347.784.822	(4.881.349.927.865)	15.495.249.815.360	
Nợ phải trả bộ phận	5.584.699.601.608	4.159.075.049.966	-	900.192.011.691	(1.882.680.219.380)	8.761.286.443.885	

Đơn vị: VND

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Chỉ tiêu	Bảo hiểm					Loại trừ	Tổng cộng
	Bảo hiểm Phi Nhân thọ						
	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	Bộ phận hoạt động đầu tư			
Doanh thu thuần theo bộ phận	3.146.023.233.028	1.340.360.325.877	121.283.883.631	1.617.502.163.454	(497.372.347.763)	5.727.797.258.227	
Bảo hiểm	3.146.023.233.028	1.340.360.325.877	121.283.883.631	-	(160.373.565.398)	4.447.293.877.138	
Đầu tư	-	-	-	1.617.502.163.454	(336.998.782.365)	1.280.503.381.089	
Chi phí theo bộ phần	3.030.637.341.559	1.209.129.122.283	361.817.547.900	664.194.097.685	(246.437.298.689)	5.019.340.810.738	
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	115.385.891.469	131.231.203.594	(240.533.664.269)	953.308.065.769	(250.935.049.074)	708.456.447.489	

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

Bảo hiểm						
Bảo hiểm Phi Nhân thọ						
Chỉ tiêu	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	Bộ phận hoạt động đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	1.313.435.124.863	7.687.833.924.239	333.407.872.199	13.960.053.499.412	(4.964.312.009.806)	18.330.418.410.907
Nợ phải trả bộ phận	6.968.647.012.208	4.269.995.314.723	1.204.938.616.521	866.301.399.236	(1.866.960.678.872)	11.442.921.663.816

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Bảo hiểm				Loại trừ	Tổng cộng
	Bảo hiểm Phi Nhân thọ		Bảo hiểm Nhân thọ			
	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tài bảo hiểm	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	Bộ phận hoạt động đầu tư		
Doanh thu thuần theo bộ phận	2.370.547.829.241	947.236.526.878	21.956.951.463	1.155.738.098.444	(537.772.676.223)	3.957.706.729.803
Bảo hiểm	2.370.547.829.241	947.236.526.878	21.956.951.463	-	(143.173.766.020)	3.196.567.541.562
Đầu tư	-	-	-	1.155.738.098.444	(394.598.910.203)	761.139.188.241
Chi phí theo bộ phận	2.082.559.171.983	1.012.567.652.066	282.985.698.573	468.359.598.368	(249.910.956.387)	3.596.561.164.602
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	287.988.657.258	(65.331.125.188)	(261.028.747.110)	687.378.500.076	(287.861.719.836)	361.145.565.201

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
MẪU SỐ B09-DN/HN

26. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a) Doanh thu

	2015	2014
	VND	VND
Thu phí bảo hiểm gốc	7.248.012.886.489	5.986.730.658.480
Thu phí nhận tái bảo hiểm	943.544.146.744	1.046.307.655.135
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	426.253.202.215	171.548.786.730
Thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	22.655.580.703	38.108.645.779
Doanh thu kinh doanh phí bảo hiểm	99.358.569.087	69.823.827.071
	8.739.824.385.238	7.312.519.573.195

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

	2015	2014
	VND	VND
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	19.763.484.461	16.104.806.740
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.455.933.411.637	1.532.716.766.066

27. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	2015	2014
	VND	VND
Phí nhượng tái bảo hiểm	3.562.955.063.556	3.269.825.868.981
Tăng dự phòng phí	(59.385.954.396)	533.159.492.099
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ	688.876.193.792	243.142.843.482
	4.192.445.302.952	4.046.128.204.562

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015 VND	2014 VND
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	2.726.174.358.563	1.735.734.296.236
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	1.238.749.543.200	496.176.110.705
Các khoản giảm trừ:	(2.078.012.019.154)	(1.015.642.443.504)
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(2.063.377.945.656)	(1.008.259.716.875)
- Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	(11.478.649.085)	(3.573.100.957)
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	(3.155.424.413)	(3.809.625.672)
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	(122.738.115.271)	(98.645.311.559)
Tăng dự phòng bồi thường	93.373.580.760	143.841.230.808
Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	124.209.503.626	99.502.460.531
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.855.994.835.773	1.312.512.733.696
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	118.614.571.239	61.583.802.301
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	309.200.357.626	133.340.802.892
- Chi khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm	95.448.340.470	36.120.314.710
- Chi hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	1.332.731.566.438	1.081.467.813.793
Giá vốn dịch vụ kinh doanh phi bảo hiểm	84.661.950.964	72.734.613.486
	3.922.413.638.461	2.746.213.690.399

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	272.637.233.939	236.601.429.132
Chi phí văn phòng	76.375.481.997	52.540.248.808
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	66.622.481.453	59.324.545.381
Thuế, phí và lệ phí	36.541.208.352	38.622.529.952
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	(33.174.410.453)	7.690.451.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.885.945.463	158.578.929.051
Chi phí khác bằng tiền	84.521.816.579	66.055.146.483
	665.409.757.330	619.413.279.812

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	3.780.627.595.622	2.673.479.076.913
Chi phí nguyên vật liệu	77.337.770.644	66.668.204.365
Chi phí nhân công	324.639.703.203	260.670.381.989
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.046.393.080	99.265.086.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	174.647.705.911	194.756.492.121
Chi phí khác	128.233.317.640	123.315.644.924
	4.600.532.486.100	3.418.154.886.903

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	443.785.161.887	486.370.117.829
Lãi đầu tư trái phiếu	106.575.228.207	54.956.496.569
Lãi kinh doanh cổ phiếu	94.411.500	13.517.504.460
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	-	20.330.413.314
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.299.834.237	2.699.552.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	116.099.564.765	65.243.293.302
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần, vốn góp	509.690.751.788	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	440.585.455	56.572.124.960
	1.180.985.537.839	699.689.502.934

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	244.536.590	8.269.910.698
Lỗ chênh lệch tỷ giá	85.352.826.050	58.466.145.527
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	166.420.172.154	26.250.559.129
Chi phí lãi vay	34.575.410.000	41.930.299.838
Chi phí tài chính khác	75.091.287.969	48.157.452.337
	361.684.232.763	183.074.367.529

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	708.456.447.489	361.145.565.201
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(51.743.407.032)	(47.862.161.812)
- Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản tiền và phải thu	(36.493.221.396)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.233.734.237)	(2.699.552.500)
- Hoàn nhập dự phòng công ty con	-	(41.760.501.276)
- Dự phòng đầu tư tài chính đã loại ở năm trước được trừ ở năm nay	(4.000.000.000)	-
- Thu nhập không chịu thuế khác	(9.016.451.399)	(3.402.108.036)
Trừ: Chuyển lỗ các năm trước	(97.763.941.026)	-
Cộng:	41.970.042.925	211.426.777.468
- (Lãi)/lỗ thuần đầu tư vào công ty liên kết	(44.929.837.907)	3.628.432.434
- Thù lao Hội đồng Quản trị	684.000.000	334.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	1.092.908.000	1.024.644.403
- Chi phí mua bảo hiểm hưu trí	6.731.500.000	3.417.000.000
- Lỗ tính thuế tại Công ty mẹ và các công ty con	73.391.759.055	202.386.026.246
- Chi phí không được khấu trừ khác	4.999.713.777	636.674.385
Thu nhập chịu thuế	600.919.142.356	524.710.180.857
Thuế suất thông thường	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	132.202.211.318	115.436.239.789

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
MẪU SỐ B09-DN/HN

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị	2015	2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	600.520.069.955	278.751.325.106
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	VND	(31.776.888.747)	(28.732.145.382)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	568.743.181.208	250.019.179.724
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	Cổ phiếu	223.184.416	225.356.670
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	2.548	1.109

Điều chỉnh lại lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

Trong năm, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do ảnh hưởng của việc loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
	VND	VND
Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	278.751.325.106	1.237
Ảnh hưởng của số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(28.732.145.382)	(127)
Số đã điều chỉnh lại cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	250.019.179.724	1.109

Không có công cụ có thể tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản vay	320.000.000.000	530.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	758.738.988.078	793.824.511.746
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	6.733.963.371.475	6.887.496.747.091
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	758.738.988.078	758.738.988.078	793.824.511.746	793.824.511.746
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.543.248.372.189	5.543.248.372.189	6.823.596.610.817	6.823.596.610.817
Đầu tư ngắn hạn	5.833.067.587.118	5.833.645.209.744	6.025.249.056.704	6.037.533.406.704
Đầu tư dài hạn	734.158.465.631	791.235.830.191	2.225.591.203.364	2.261.400.267.511
Tổng cộng	12.869.213.413.016	12.926.868.400.203	15.868.261.382.631	15.916.354.796.778
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.712.436.114.751	1.712.436.114.751	1.681.466.667.124	1.681.466.667.124
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	3.223.776.790.800	3.223.776.790.800	4.488.490.726.377	4.488.490.726.377
Các khoản vay	320.000.000.000	320.000.000.000	530.000.000.000	530.000.000.000
Tổng cộng	5.256.212.905.551	5.256.212.905.551	6.699.957.393.501	6.699.957.393.501

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số 6.
- Giá trị hợp lý của các khoản mục ngắn hạn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Tên ngoại tệ	Ký hiệu	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
		31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
Đô la Mỹ	USD	957.438.919.426	1.164.035.801.710	974.640.610.567	919.462.922.386
Won Hàn Quốc	KRW	58.894.361.834	73.523.744.494	78.718.382.215	83.371.150.725
Euro	EUR	45.277.148.254	27.979.637.024	32.473.210.237	26.265.269.835
Ringit Malaysia	MYR	4.778.054.747	2.829.573.147	7.290.671.733	2.590.584.518
Rúp Nga	RUB	199.577.569	217.154.036	5.616.082.222	2.988.487.663
Khác		32.407.898.983	29.968.494.147	43.268.862.235	17.216.964.498

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng 344.033.823 đồng.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng là khoảng 6,4 tỷ đồng (năm 2014 là khoảng 10,6 tỷ đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu mà Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công ty con không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được nắm giữ trong dài hạn và sẽ chuyển nhượng khi có điều kiện thuận lợi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách thận trọng như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	758.887.738.078	-	-	758.887.738.078
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.523.193.695.968	20.054.676.221	-	5.543.248.372.189
Đầu tư ngắn hạn	6.041.619.329.402	-	-	6.041.619.329.402
Đầu tư dài hạn	96.947.624.645	359.082.999.999	368.180.702.099	824.211.326.743
Tổng cộng	12.420.648.388.093	379.137.676.220	368.180.702.099	13.167.966.766.412
Phải trả người bán và phải trả khác	1.691.797.810.075	20.638.304.676	-	1.712.436.114.751
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	3.223.776.790.800	-	-	3.223.776.790.800
Các khoản vay	35.336.000.000	268.393.920.000	108.268.680.000	411.998.600.000
Tổng cộng	4.950.910.600.875	289.032.224.676	108.268.680.000	5.348.211.505.551
Chênh lệch thanh khoản thuần	7.469.737.787.218	90.105.451.544	259.912.022.099	7.819.755.260.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	794.090.983.968	-	-	794.090.983.968
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.790.229.563.033	33.367.047.784	-	6.823.596.610.817
Đầu tư ngắn hạn	6.708.124.141.761	-	-	6.708.124.141.761
Đầu tư dài hạn	2.711.763.534	1.109.411.742.538	1.483.292.513.234	2.595.416.019.306
Tổng cộng	14.295.156.452.296	1.142.778.790.322	1.483.292.513.234	16.921.227.755.852
Phải trả người bán và phải trả khác	1.668.668.742.782	12.797.924.342	-	1.681.466.667.124
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	4.488.490.726.377	-	-	4.488.490.726.377
Các khoản vay	44.000.000.000	623.482.834.000	-	667.482.834.000
Tổng cộng	6.201.159.469.159	636.280.758.342	-	6.837.440.227.501
Chênh lệch thanh khoản thuần	8.093.996.983.137	506.498.031.980	1.483.292.513.234	10.083.787.528.351

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm tồn tại tại các công ty con của Công ty thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Để đạt được mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm, các đơn vị đã thiết lập và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	Công ty liên kết
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 26.

Các giao dịch khác với các bên liên quan trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Chi phí quản lý	6.922.082.644	6.531.838.602

Số dư phải thu, phải trả là các bên liên quan được trình bày tương ứng tại Thuyết minh số 7 và số 16.

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty được hưởng trong năm là 4.390.513.436 đồng (năm 2014 là 3.977.118.682 đồng).

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, một số chỉ tiêu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đã được phân loại lại cho phù hợp với quy định của Thông tư số 200 và Thông tư số 202. Cụ thể:

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số
I. Tài sản				
1. Các khoản tương đương tiền	112	1.267.380.000.000	1. Các khoản tương đương tiền	112
2. Đầu tư ngắn hạn	121	4.337.857.396.490	2. Chứng khoán kinh doanh	121
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(213.529.969.597)	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>				
4. Phải thu khách hàng	131	6.809.399.005.259	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123
5. Các khoản phải thu khác	135	59.142.102.469	5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(206.640.033.896)	6. Phải thu ngắn hạn khác	136
7. Tài sản ngắn hạn khác	158	32.350.683.818	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137
8. Tài sản dài hạn khác	268	33.367.047.784	8. Tài sản ngắn hạn khác	155
9. Đầu tư dài hạn khác	258	3.266.602.241.269	9. Phải thu dài hạn khác	216
10. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(201.011.037.905)	10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>				
II. Nguồn vốn				
1. Phải trả người bán	312	1.581.334.210.913	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311
2. Chi phí phải trả	316	40.983.957.120	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	37.456.850.050	3. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	87.334.531.869	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336
5. Vay và nợ dài hạn	334	530.000.000.000	5. Phải trả ngắn hạn khác	319
6. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	2.342.418.670.000	6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338
7. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	696.265.997.147	7. Vốn góp của chủ sở hữu	411
			8. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu
Ngày 16 tháng 02 năm 2016

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng

Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Đơn vị: VND

Theo TT 200/2014/TT-BTC

Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số
I. Tài sản				
1. Các khoản tương đương tiền	112	80.000.000.000	1. Các khoản tương đương tiền	112
2. Đầu tư ngắn hạn	121	129.616.443.765	2. Chứng khoán kinh doanh	121
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(213.529.969.597)	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>				
4. Phải thu khách hàng	131	6.809.399.005.259	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123
5. Các khoản phải thu khác	135	59.142.102.469	5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(206.640.033.896)	6. Phải thu ngắn hạn khác	136
7. Tài sản ngắn hạn khác	158	32.350.683.818	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137
8. Tài sản dài hạn khác	268	33.367.047.784	8. Tài sản ngắn hạn khác	155
9. Đầu tư dài hạn khác	258	3.266.602.241.269	9. Phải thu dài hạn khác	216
10. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(201.011.037.905)	10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>				
II. Nguồn vốn				
1. Phải trả người bán	312	1.581.334.210.913	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311
2. Chi phí phải trả	316	40.983.957.120	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	37.456.850.050	3. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	87.334.531.869	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336
5. Vay và nợ dài hạn	334	530.000.000.000	5. Phải trả ngắn hạn khác	319
6. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	2.342.418.670.000	6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338
7. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	696.265.997.147	7. Vốn góp của chủ sở hữu	411
			8. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu
Ngày 16 tháng 02 năm 2016

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng

Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Mã chứng khoán: PVI, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội HNX

Trụ sở: 1 Phạm Văn Bạch - Q. Cầu Giấy - Hà Nội

Tel: +84-4 3734 2299 / **Fax:** +84-4 3734 2929

Email: contact@pvi.com.vn / **Website:** www.pvi.com.vn

QUẢN TRỊ MINH BẠCH KINH DOANH HIỆU QUẢ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Trụ sở: Số 1 Phạm Văn Bạch - Q. Cầu Giấy - Hà Nội

Tel: +84-4 3734 2299 / **Fax:** +84-4 3734 2929

Email: contact@pvi.com.vn / **Website:** www.pvi.com.vn